Panasonic®

- Vui lòng đọc kỹ Hướng dẫn trước khi lắp đặt và Hướng dẫn sử dụng trước khi dùng thiết bị.
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Nội dung của catalogue này là chính xác kể từ tháng 9 năm 2021.
- Màu sắc thực tế có thể thay đổi đôi chút so với hình ảnh do quá trình in ấn.
- Tất cả hình ảnh đưa ra chỉ mang tính chất minh họa.

Không thêm hoặc thay thế môi chất lạnh khác với loại được chỉ định. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm cho các hư hỏng và thiếu an toàn do sử dụng môi chất lạnh khác.

Đại lý được ủy quyền

Quét mã QR Code để trải nghiệm Các sản phẩm Điều Hòa Không Khí Dân Dụng tại Việt Nam

Quét mã QR Code để trải nghiệm showroom ảo các Giải Pháp Không Khí

TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG - TƯ VẤN MIỄN PHÍ CÁC DỊCH VỤ

Hỗ Trợ Trước và Sau Mua Hàng • Tư Vấn, Hướng Dẫn Sử Dụng Sản Phẩm • Giải Quyết Các Thắc Mắc, Khiếu Nại của Khách Hàng

hoặc (024) 3767 7360

Từ 8h15 - 17h30 Thứ 2 đến Chủ Nhật

www.panasonic.com/vn

www.facebook.com/PanasonicVietnam

Panasonic Heating & Cooling Solutions

Global site : aircon.panasonic.com

PRO Club : panasonicproclub.global

Panasonic HVAC Global

AC-VN-C-21

Panasonic

ĐIỀU HÒA DÂN DỤNG

[DÀNH CHO WS/ACS/KKE] 2021/2022

AERO INVERTER CAO CẤP

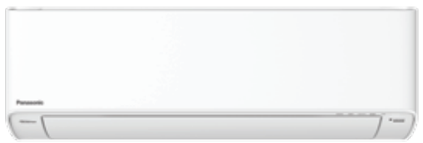

INVERTER CAO CẤP

nanoeX · Panasonic Comfort Cloud App · iAuto-X INTELLIGENT . DYNAMIC . COOL. · HUMIDITY SENSOR · INVERTER

A Better Life, A Better World

QUALITY AIR FOR LIFE

Khí sạch, sống chất

QUALITY AIR FOR LIFE
Khí sạch, sống chất

Trong thế giới ngày nay, chất lượng không khí trở thành mối quan tâm hàng đầu của mỗi người, mỗi gia đình. Và quan niệm không khí trong nhà sạch hơn bên ngoài ngày càng trở nên phổ biến khi chúng ta dành phần lớn thời gian ở nhà.

Panasonic cam kết nâng cao chất lượng không khí với các giải pháp "Quality Air For Life" – "Khí Sạch Sống Chất" giúp bạn xua tan mọi lo ngại về chất lượng không khí trong nhà. Nhờ vào sự kết hợp tối ưu bốn công nghệ: Lọc Không Khí, Điều Hòa Không Khí, Kết Nối Thông Minh và Hệ Thống Thông Gió, giải pháp "Khí Sạch" từ Panasonic sẽ mang đến sự thoải mái và không gian sống trong lành cho ngôi nhà của bạn.

Giải pháp chất lượng không khí tại nhà

Panasonic cung cấp các giải pháp điều hòa không khí để lọc sạch và làm mát không gian trong nhà mang đến sự thoải mái với hiệu suất năng lượng cao và ít tác động đến môi trường hơn. Hãy kết nối với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud để điều khiển các thiết bị điều hòa không khí từ xa khi bạn đi vắng.

LỌC KHÔNG KHÍ
Lọc sạch không khí và bề mặt 24 giờ mỗi ngày

KẾT NỐI THÔNG MINH
Kết nối và điều khiển mọi lúc mọi nơi

ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
Không khí mát mẻ thoải mái cho bạn và gia đình

HIỆU QUẢ KHÔNG KHÍ
Công nghệ thân thiện với môi trường và tiết kiệm chi phí để có một cuộc sống bền vững

BẢO VỆ 24 GIỜ

với nanoe™ X + Comfort Cloud

Sức khỏe của bạn bắt đầu từ không gian trong nhà, nơi tách biệt bạn với thế giới bên ngoài. nanoe™ X với các gốc hydroxyl (OH) bọc trong nước giúp đảm bảo môi trường trong nhà luôn sạch sẽ và an toàn bằng cách ức chế sự phát triển của vi khuẩn, vi rút, nấm mốc và các chất ô nhiễm khác đồng thời khử mùi cho không khí của gia đình bạn trong lành và sạch sẽ.

Chọn điều hòa không khí Panasonic được trang bị nanoe™ X và duy trì kết nối từ xa bằng cách tải ứng dụng Panasonic Comfort Cloud* để quản lý các thiết bị điều hòa không khí trong nhà chỉ với một thiết bị.

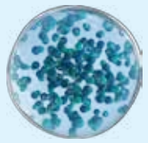

nanoeX
(Lọc không khí)

+

Panasonic

Ứng dụng Comfort Cloud
(Kết nối thông minh)

*Cần có bộ định tuyến có kết nối Internet để kết nối điều hòa của bạn với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud.
Cần có phụ kiện CZ-TACG1 đối với các dòng INVERTER SANG TRỌNG, INVERTER CAO CẤP, INVERTER TIÊU CHUẨN với nanoe™ X và INVERTER HAI CHIỀU TIÊU CHUẨN.
Chức năng tích hợp kết nối Wi-Fi chỉ có trong các dòng AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER TIÊU CHUẨN với kết nối Wi-Fi và INVERTER HAI CHIỀU CAO CẤP.

Ở nhà an toàn với nanoe™ X bảo vệ suốt 24 giờ

Công nghệ nanoe™ X giải phóng các gốc OH bọc trong nước có thể ức chế hiệu quả các chất gây ô nhiễm bám dính và lơ lửng trong không khí, đồng thời giảm mùi khó chịu. Bạn có thể BẬT chế độ nanoe™ X cho dù có BẬT hoặc TẮT chế độ làm mát để chủ động lọc sạch không khí khi bạn ở nhà hoặc vận hành độc lập với chế độ làm lạnh/sưởi ấm khi bạn vắng nhà.

Chế độ lọc khí nanoe™ X hoạt động với mức tiêu thụ năng lượng thấp và không cần bảo trì – tất cả là nhờ bộ phát nanoe™ X làm bằng titan. nanoe™ X chủ động bảo vệ bạn và gia đình suốt 24h.

nanoeX

BẬT chế độ nanoe™ X để ức chế chất ô nhiễm và khử mùi khi bạn đi vắng.

•Mức tiêu thụ năng lượng có thể khác nhau tùy thuộc vào dòng máy.

Mang đến không gian sạch sẽ và thoải mái cho bạn và những người thân yêu.

Ứng dụng điều khiển thông minh từ xa

Điều khiển một hoặc nhiều thiết bị điều hòa dù bạn ở bất cứ nơi đâu. Lọc sạch không khí trong nhà với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud trên thiết bị di động ngay cả khi bạn đang di chuyển.

Lọc sạch không khí ngay cả khi đang di chuyển

Bật chế độ lọc khí nanoe™ X riêng biệt mà không cần bật chế độ làm lạnh khi vắng nhà.

Điều khiển một hoặc nhiều thiết bị

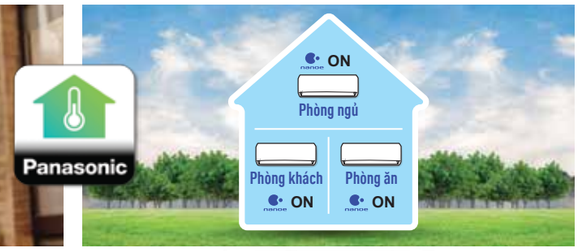

Thuận tiện theo dõi và quản lý các máy điều hòa chỉ với một thiết bị di động.

[1] Chế độ nanoe™ X có thể hoạt động độc lập với chế độ làm mát, và được khuyến khích BẬT để lọc sạch không khí suốt 24h

Kích hoạt chế độ nanoe™ X suốt cả ngày

Giúp ngôi nhà trở thành một nơi an toàn cho cả gia đình. nanoe™ X hoạt động suốt cả ngày để mang lại cho bạn buổi sáng dễ chịu và buổi tối thoải mái. An tâm tận hưởng không khí trong lành tại chính ngôi nhà của mình.

SÁNG

THỨC DẬY SẢNG KHOÁI

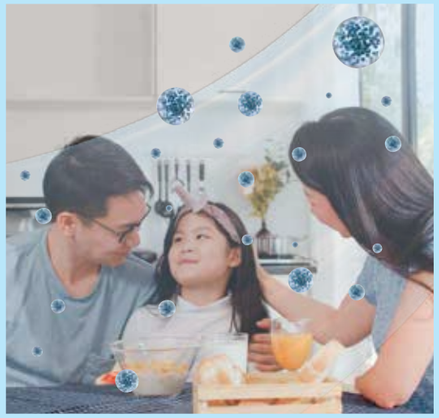

Khởi động ngày mới bằng bữa sáng với không khí trong lành giúp tạo cảm giác tươi mới và mang năng lượng đến cho buổi sáng của bạn.

Mùi | Tác nhân gây dị ứng | Vi khuẩn và vi rút

Làm lạnh + nanoeX

nanoe BẬT
Làm lạnh BẬT

TRƯA

KHI VẮNG NHÀ

Điều khiển các thiết bị điều hòa từ xa với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud để ức chế các chất ô nhiễm trong nhà, ngay cả khi bạn vắng nhà.

Vi khuẩn và vi rút | Chất độc hại | Nấm mốc

nanoeX

nanoe BẬT
Làm lạnh TẮT

nanoeX Bảo vệ sức khỏe 24 giờ

nanoeX + Panasonic Ứng dụng Comfort Cloud

TỐI

GIÂY PHÚT BUỔI TỐI BÊN GIA ĐÌNH

Trở về nhà với không khí mát mẻ và sảng khoái nhờ điều hòa làm mát ngôi nhà của bạn và nanoe™ X, đồng thời ức chế các chất ô nhiễm

Mùi | Phấn hoa | Vi khuẩn và vi rút

Làm lạnh + nanoeX

nanoe BẬT
Làm lạnh BẬT

ĐÊM

GIẤC NGỦ ĐÊM QUÝ GIÁ

Hãy tận hưởng giấc ngủ ngon trong khi nanoe™ X giữ cho không khí trong nhà luôn sạch sẽ và an toàn suốt đêm. Nanoe™ X còn giúp giữ ẩm da và tóc cho bạn một buổi sáng sảng khoái vào ngày hôm sau

Giữ ẩm cho da và tóc | Vi khuẩn và vi rút

Làm lạnh + nanoeX

nanoe BẬT
Làm lạnh BẬT

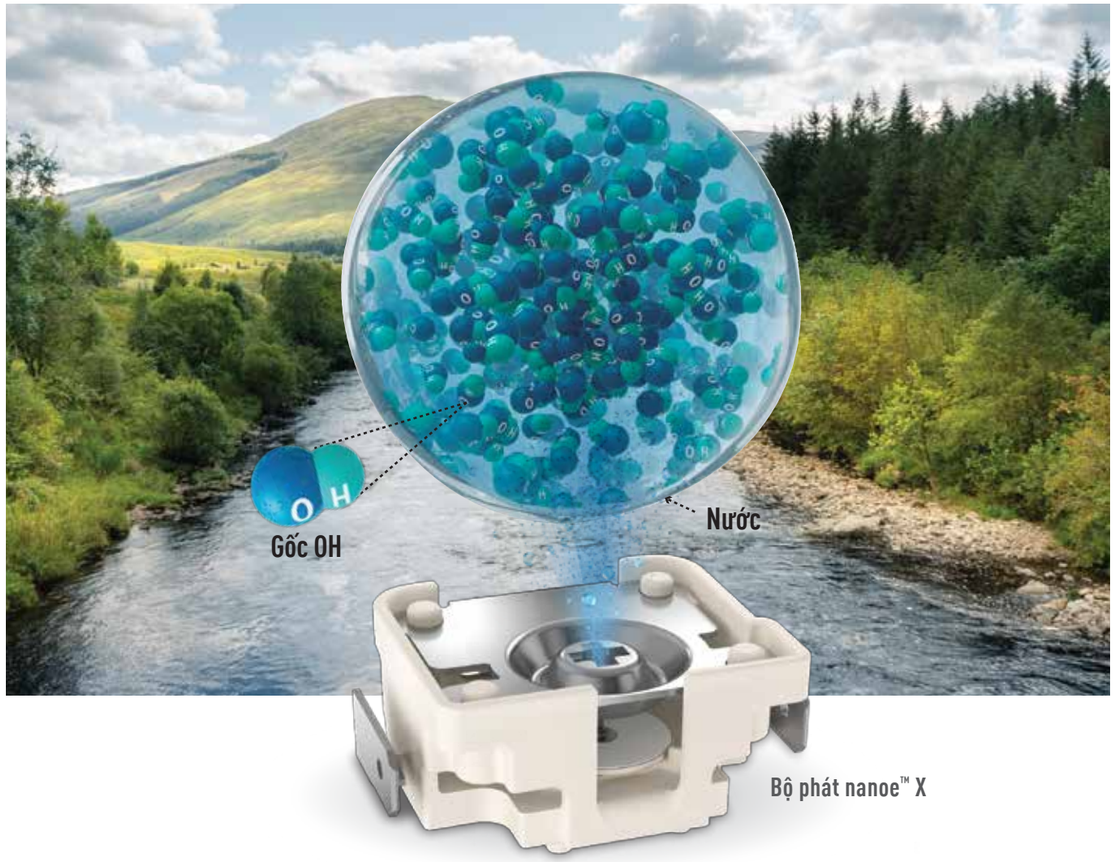

nanoe™ X, Công nghệ lọc khí tiên tiến nhờ lợi ích của gốc OH bọc trong nước

Được biết đến như "chất tẩy rửa" của tự nhiên, các gốc hydroxyl (còn được gọi là gốc OH) là các phân tử có khả năng tham gia phản ứng rất cao với các nguyên tố khác như hydro. Phản ứng này giúp các gốc OH có khả năng ức chế sự phát triển của các chất ô nhiễm.

Công nghệ nanoe™ X của Panasonic mang những lợi ích này đến ngôi nhà của bạn giúp ức chế các chất gây ô nhiễm bám dính trên các bề mặt, đồ nội thất mềm và môi trường trong nhà để bạn có một không gian sống dễ chịu và thoải mái.

Bộ phát nanoe™ X tạo ra các gốc OH bọc trong nước như thế nào?

1 Hơi nước ngưng tụ trên đỉnh bộ phát.

2 Điện áp cao dẫn qua hơi nước ngưng tụ trong không khí.

3 Các gốc OH bọc trong nước được tạo ra và lan tỏa khắp căn phòng.

Sự độc đáo của nanoe™ X

Số lượng lớn

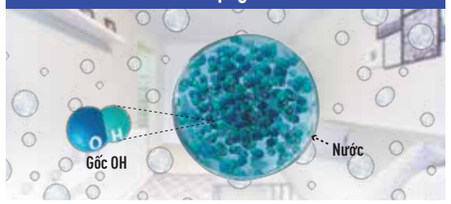

nanoe™ X tạo ra 9.600 tỷ gốc OH mỗi giây*. Lượng lớn gốc OH có trong nanoe™ X mang đến hiệu quả vượt trội trong việc ức chế hoạt động của các chất ô nhiễm.

* Bộ phát nanoe X Thế hệ 2 tạo ra 9.600 tỷ gốc OH mỗi giây.
Bộ phát nanoe X Thế hệ 1 tạo ra 4.800 tỷ gốc OH mỗi giây.

Thời gian tồn tại dài hơn

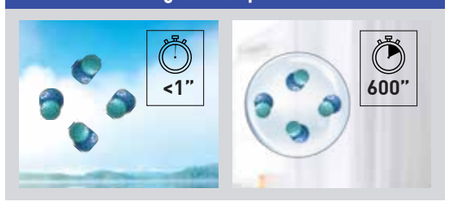

Công nghệ nanoe™ X tạo ra các gốc OH bọc trong nước, kéo dài thời gian tồn tại trong không khí của chúng từ dưới một giây lên hơn 600 giây (10 phút) giúp di chuyển xa đến mọi ngóc ngách trong căn phòng..

Chủ động lấp đầy không gian

nanoe™ X chủ động lấp đầy toàn bộ căn phòng và vượt ra ngoài bộ lọc để ức chế các chất ô nhiễm bám dính và có trong không khí.

Không cần bảo trì

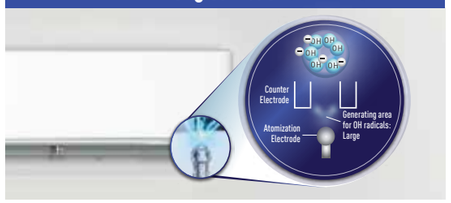

Không cần bảo trì, không cần thay thế. nanoe™ X là giải pháp không cần bộ lọc, sử dụng hệ thống phóng nguyên tử hóa tĩnh điện làm bằng titan không cần bảo trì.

Hiệu quả trên các loại vải và bề mặt

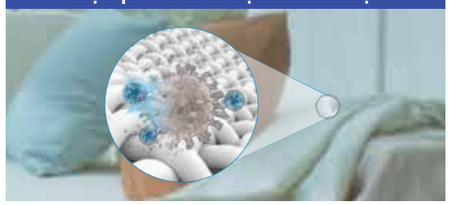

Với kích thước nhỏ hơn một giọt hơi nước, nanoe™ X thấm sâu vào các sợi vải giúp khử mùi hiệu quả.

An toàn cho việc sử dụng

Tính an toàn của nanoe™ X đã được thử nghiệm trong các phòng thí nghiệm và các tổ chức nghiên cứu.

Truy cập trang web của chúng tôi để xem danh sách dữ liệu an toàn:
www.panasonic.com/glotel/consumet/clean/hydraxyt/technology.titml

An toàn với bệnh nhân hen suyễn và dị ứng

nanoe™ X được công nhận bởi Sensitive Choice, giúp người tiêu dùng mắc bệnh hen suyễn và dị ứng trên toàn thế giới sống tốt hơn.

Sensitive Choice là một chương trình dịch vụ cộng đồng nhằm mục đích giáo dục mọi người về tầm quan trọng của việc kiểm soát bệnh hen suyễn và dị ứng. Được phát triển bởi Hội đồng Hen suyễn Quốc gia Úc vào năm 2006, chương trình này cũng khuyến khích các công ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ an toàn hơn với bệnh hen suyễn và dị ứng.

Panasonic và Sensitive Choice đã hợp tác để đưa nanoe™ X đến thị trường Châu Á. Tính năng nanoe™ X có thể hoạt động độc lập hoặc đồng thời với chế độ làm mát của điều hòa không khí giúp lọc sạch không khí suốt 24h. Công nghệ lọc khí hàng đầu giúp ức chế hoạt động của vi khuẩn, vi rút, tác nhân gây dị ứng, phấn hoa và nấm mốc trong nhà, đồng thời khử mùi, giữ cho ngôi nhà hoặc văn phòng của bạn luôn trong lành và sạch sẽ. Panasonic và Sensitive Choice cam kết mang đến cho bạn và gia đình nguồn không khí chất lượng cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

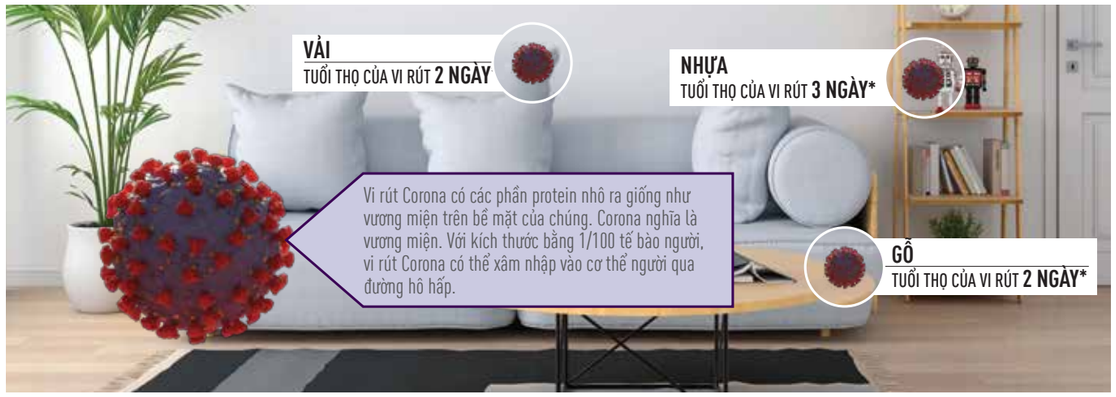

*Tuổi thọ của vi rút: https://www.businessinsider.coni/coronavirus-lifespan-on-surfaces-graphic-2020-3

Hiệu quả trong việc ức chế vi rút Corona mới

Đại dịch COVID-19 gây ra bởi vi rút Corona mới (SARS-CoV-2) đã khiến việc giãn cách xã hội và vệ sinh khử trùng trở thành sự bình thường mới trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. nanoe™ X giúp các hoạt động hàng ngày trong nhà của bạn được diễn ra an toàn và chủ động hơn nhờ việc lọc sạch không khí để ức chế vi rút Corona suốt cả ngày.

SARS-CoV-2 với nanoe™ X

nanoe™ X với các gốc OH bọc trong nước làm biến tính lipid và protein lớp vỏ của vi rút và nhờ đó ức chế hoạt động của chúng.

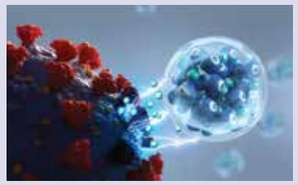

1 nanoe™ X tiếp xúc với SARS-CoV-2.

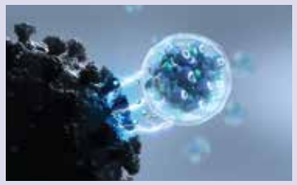

2 Các gốc OH chuyển hóa protein trong lớp vỏ của vi rút

3 SARS-CoV-2 bị vô hiệu hóa, biến đổi các gốc OH thành các phân tử nước ổn định

Sức mạnh của nanoe™ X

Với thời gian tồn tại lâu dài và số lượng lớn gốc OH trong nước, nanoe™ X có khả năng di chuyển và lan tỏa khắp căn phòng, đặc biệt là trong không gian rộng 54 m³ để ức chế các chất ô nhiễm trong không khí và bám dính trên các bề mặt vật dụng trong phòng.

Mô phỏng nồng độ nanoe™ X

Nồng độ nanoe™ X đã được mô phỏng khi lấp đầy một căn phòng 54 m³ (4 m x 5 m x 2,7 m) trong thời gian 30 phút. Màu càng xanh thì nồng độ nanoe™ X càng cao.

Lấp đầy 1/4 căn phòng

Lấp đầy 1/2 căn phòng

Lấp đầy 3/4 căn phòng

Lấp đầy toàn bộ căn phòng

*Ảnh chỉ dùng cho mục đích minh họa.

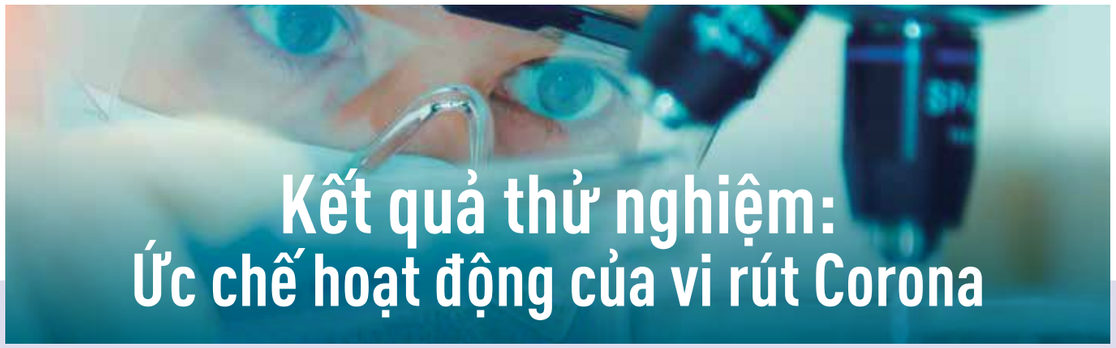

Kết quả thử nghiệm: Ức chế hoạt động của vi rút Corona

Tổng quan

Mục tiêu của thử nghiệm là xác định khả năng nanoe™ X ức chế hoạt động của vi rút SARS-CoV-2 Gạc thấm đẫm dung dịch chứa vi rút SARS-CoV-2 được tiếp xúc với bộ phát nanoe™ X từ khoảng cách 15 cm trong một hộp kín 45 L trong 2 giờ. Hơn 99,99% vi rút SARS-CoV-2 đã bị ức chế.

Chi tiết

(1) Tổ chức thử nghiệm: TEXCELL (Pháp)
(2) Đối tượng thử nghiệm: vi rút Corona mới (SARS-CoV-2)
(3) Thể tích thử nghiệm: Hộp 45 L được đóng kín (400 mm x 350 mm x 350 mm)
(4) Thời gian tiếp xúc: 2 giờ
(5) Khoảng cách tiếp xúc: 15 cm

Thử nghiệm bộ phát nanoe™ X

Kết quả thử nghiệm: SARS-CoV-2

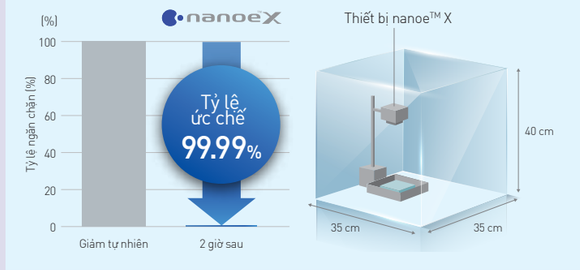

Ghi chú: [1] Hiệu giá lây nhiễm của vi rút được đo và sử dụng để tính toán tỷ lệ ức chế . [2] Thử nghiệm này được thiết kế để tạo ra dữ liệu nghiên cứu cơ bản về ảnh hưởng của nanoe™ X đối với vi rút Corona mới trong điều kiện phòng thí nghiệm. Không được thiết kế để đánh giá hiệu suất của sản phẩm.

Tổng quan

Mục tiêu của thử nghiệm này là để xác định xem nanoe™ X có ngăn chặn hoạt động của vi rút SARS-CoV-2 hay không. Gạc thấm đẫm dung dịch vi rút SARS-CoV-2 được tiếp xúc với điều hòa có công nghệ nanoe™ X từ khoảng cách 0,7 m trong một căn phòng 6,7 m³ trong 8 giờ. Hơn 91% hoạt động của vi rút SARS-CoV-2 đã bị ức chế.

Chi tiết

(1) Tổ chức thử nghiệm: TEXCELL (Pháp)
(2) Đối tượng thử nghiệm: vi rút Corona mới (SARS-CoV-2)
(3) Thể tích thử nghiệm: phòng 6,7 m³ (1,7 m x 1,8 m x 2,2 m)
(4) Thời gian tiếp xúc: 8 giờ

Thử nghiệm điều hòa tích hợp nanoe™ X

Kết quả thử nghiệm: SARS-CoV-2

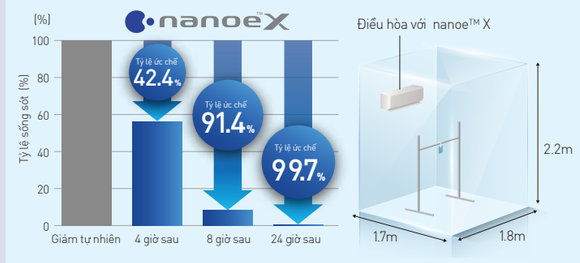

Ghi chú: [1] Hiệu giá lây nhiễm của vi rút được đo và sử dụng để tính toán tỷ lệ ức chế . [2] Thử nghiệm này được thiết kế để tạo ra dữ liệu nghiên cứu cơ bản về ảnh hưởng của nanoe™ X đối với vi rút Corona mới trong điều kiện phòng thí nghiệm. Hiệu quả thực tế sẽ khác nhau **tùy thuộc vào môi trường và cách sử dụng sản phẩm.**

Sự phát triển của bộ phát nanoe™ X

Tăng cường hiệu quả của các gốc OH bọc trong nước qua mỗi bộ phát nanoe™ X cải tiến mới.

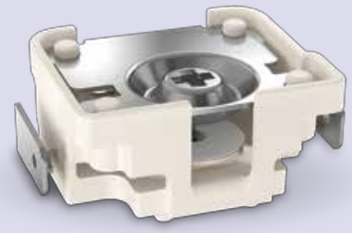

nanoeX

Bộ phát	Thế hệ 1	Thế hệ 2 MỚI
	4.800 tỷ gốc OH/giây	9.600 tỷ gốc OH/giây
Cấu trúc hạt ion	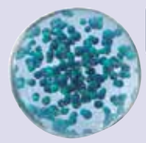	2x lần 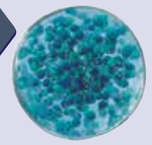

7 tác dụng của nanoe™ X

Công nghệ nanoe™ X ức chế hiệu quả 5 tác nhân gây ô nhiễm, khử mùi và giữ ẩm nhờ lợi ích của các gốc OH bọc trong nước.

Khử mùi	Ức chế 5 tác nhân gây ô nhiễm					Giữ ẩm
Mùi	Vi khuẩn và vi rút	Nấm mốc	Tác nhân gây dị ứng	Phấn hoa	Chất độc hại	Da và tóc

Khử các loại mùi khác nhau

nanoe™ X giảm các mùi[1] mạnh và bám dính bằng cách thấm sâu vào các sợi vải, mang lại sự tươi mát lâu dài cho không gian sống của bạn.


Mùi đồ nướng


Mùi mồ hôi

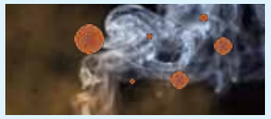
Mùi khói thuốc lá


Mùi sầu riêng

nanoe™ X làm giảm mùi khó chịu như thế nào?

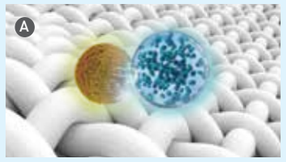

nanoe™ X tiếp xúc với tác nhân gây mùi trong vải

Các gốc OH phá hủy liên kết của các chất gây mùi

Mùi khó chịu bị loại bỏ

Ức chế 5 tác nhân gây ô nhiễm

nanoe™ X ức chế các chất ô nhiễm có trong không khí và bám dính[2], mang lại không gian sống an toàn và trong lành cho những người thân yêu của bạn.


Vi khuẩn và vi rút

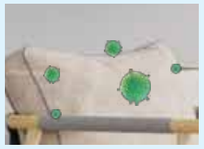
Nấm mốc


Tác nhân gây dị ứng


Chất độc hại


Phấn hoa

nanoe™ X ức chế các chất ô nhiễm như thế nào?

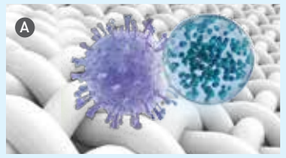

nanoe™ X tiếp cận các chất ô nhiễm trong vải

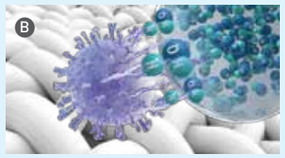

Các gốc OH lấy hydro khỏi các chất ô nhiễm

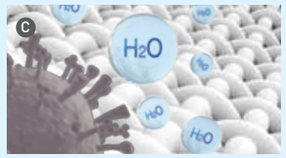

Các gốc OH biến đổi hydro để ức chế hoạt động của các chất ô nhiễm

[1] Vui lòng tham khảo trang 55 [2] Vui lòng tham khảo trang 50

Giữ ẩm cho da và tóc

Các hạt nước nanoe™ X giúp cân bằng độ ẩm, mang lại làn da và mái tóc mượt mà và đủ ẩm[3].

Không có nanoe™ X

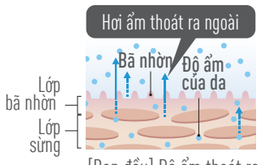

[Ban đầu] Độ ẩm thoát ra ngoài làm khô da.

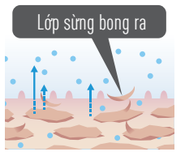

[Sau 28 ngày] Kết cấu da xấu đi và lớp sừng bong ra.

Không có nanoe™ X

nanoe™ X hoạt động như thế nào?

Duy trì độ ẩm cho da

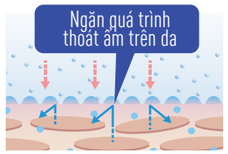

[Ban đầu] nanoe™ X kết hợp với bã nhờn tự nhiên để phủ lên bề mặt da.

[Sau 28 ngày] Mang lại làn da mịn màng, đủ ẩm.

Duy trì mái tóc thẳng mượt hơn

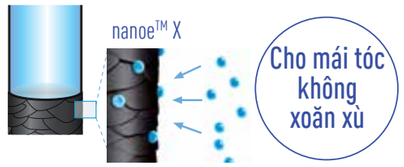

[3] Vui lòng tham khảo trang 61

nanoe-G

Hiệu quả trong việc loại bỏ 99% các hạt bụi mịn[4], nanoe-G giải phóng các ion âm để thu giữ các hạt bụi có kích thước nhỏ như PM2.5, mang chúng trở lại bộ lọc để mang lại một không gian sống trong lành và tươi mới.

Loại bỏ bụi (PM2.5)

PM2.5 là gì?

PM hay "Vật chất dạng hạt" bao gồm các hạt nhỏ và các giọt chất lỏng. Với kích thước nhỏ hơn 2,5 micromet (PM2.5), những hạt này gây nguy hiểm cho sức khỏe vì chúng có thể xâm nhập vào phổi của chúng ta một cách dễ dàng. PM2.5 có thể được tìm thấy trong không khí, bao gồm bụi, chất bẩn, sương khói và các giọt nước.

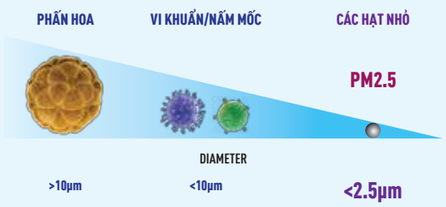

nanoe-G hoạt động như thế nào?

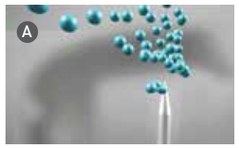

Bộ phát ion nanoe-G giải phóng các ion âm.

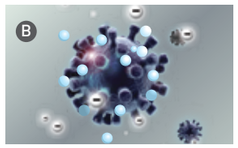

Các ion âm bám vào các hạt bụi.

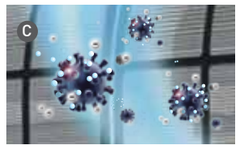

Các hạt này được mang trở lại và bị giữ trong bộ lọc.

[4] Vui lòng tham khảo trang 63

Quản lý dễ dàng bằng ứng dụng Panasonic Comfort Cloud

Mang đến sự đơn giản và tiện lợi, ứng dụng Panasonic Comfort Cloud giúp bạn kiểm soát hoàn toàn các thiết bị điều hòa mọi lúc, mọi nơi.

Ứng dụng Panasonic Comfort Cloud cho phép sử dụng điện thoại thông minh như điều khiển từ xa, đồng bộ hóa với các thiết bị điều hòa không khí chỉ trong vài giây. Một giải pháp hoàn hảo để kiểm soát các thiết bị điều hòa ở một và nhiều địa điểm.

ĐIỀU HOÀ VỚI TÍCH HỢP KẾT NỐI Wi-Fi

DÒNG XU/XZ

MỚI 2021

DÒNG WPU

Dễ dàng kết nối với Panasonic Comfort Cloud mà không cần mua và cài đặt bộ điều hợp mạng tùy chọn

ĐIỀU HÒA VỚI BỘ ĐIỀU HỢP MẠNG TÙY CHỌN

DÒNG VU/U/XPU/YZ

Bộ điều hợp mạng tùy chọn (CZ-TACG1)

Cần có bộ điều hợp mạng tùy chọn

Giải pháp kiểm soát chất lượng không khí thông minh

Ứng dụng thông minh cho gia đình và hộ kinh doanh

ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH

Điều khiển nhiều máy điều hòa ở một/nhiều vị trí

Quản lý điều hoà ở một địa điểm

Quản lý điều hoà ở nhiều địa điểm

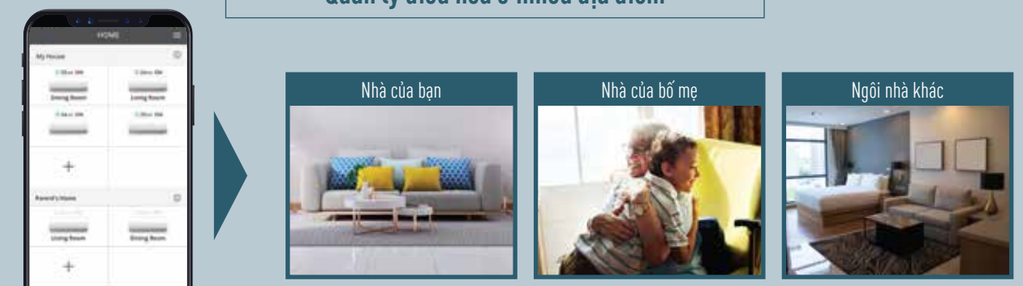

Giám sát và điều khiển một và nhiều máy điều hòa tại một hoặc nhiều địa điểm đồng thời mọi lúc, mọi nơi với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud. Có chức năng BẬT hoặc TẮT tất cả các máy điều hòa tại một địa điểm để thuận tiện cho bạn.

KẾT NỐI THÔNG MINH

BẬT chế độ nanoe™

Bật chế độ nanoe™ khi TẮT chế độ làm mát

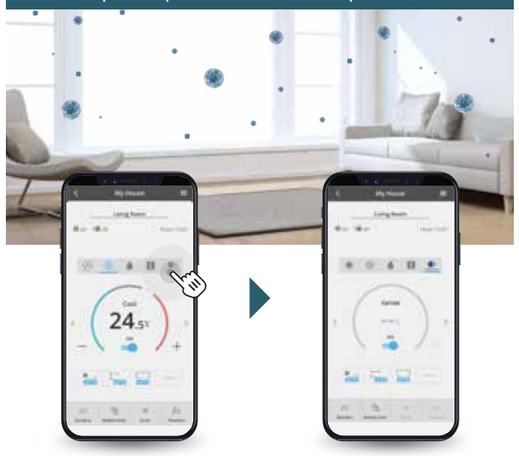

Bật chế độ nanoe™ khi BẬT chế độ làm mát

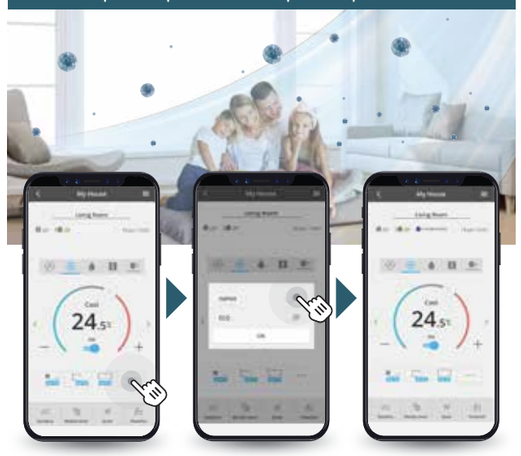

Bật điều hoà

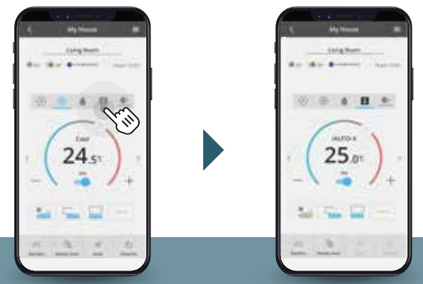

Kích hoạt iAUTO-X để tận hưởng khả năng làm mát nhanh chóng trong ngày nắng nóng.

Điều chỉnh tốc độ quạt và hướng gió

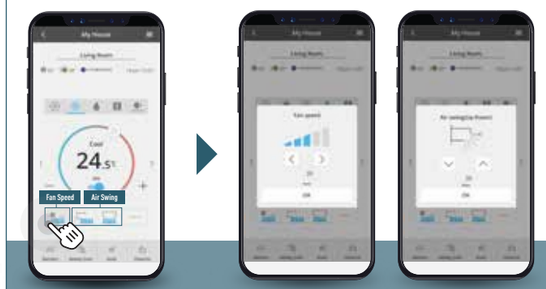

Tận hưởng khả năng làm mát thoải mái bằng cách điều chỉnh tốc độ quạt và hướng gió (lên và xuống) hoặc (trái và phải).

*Tính khả dụng của các chức năng có thể khác nhau tùy thuộc vào dòng máy.

HIỆU SUẤT THÔNG MINH

Đặt hẹn giờ

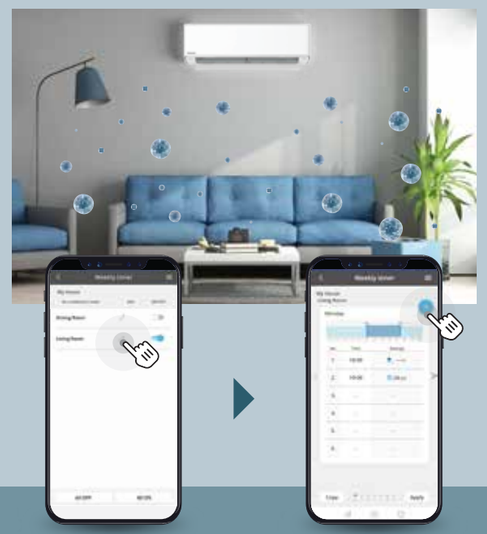

Hẹn giờ nanoe™ X khi BẬT hoặc TẮT chế độ làm mát và BẬT chế độ làm mát trước khi về nhà để tận hưởng không khí sạch và sự mát mẻ thoải mái.

Theo dõi mức tiêu thụ năng lượng

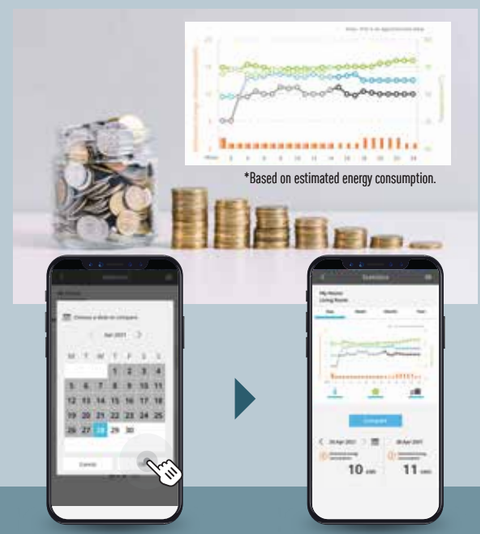

Xem mức tiêu thụ năng lượng của từng thiết bị bằng cách so sánh mức sử dụng hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng/hàng năm.

TRỢ GIÚP THÔNG MINH

Thông báo lỗi

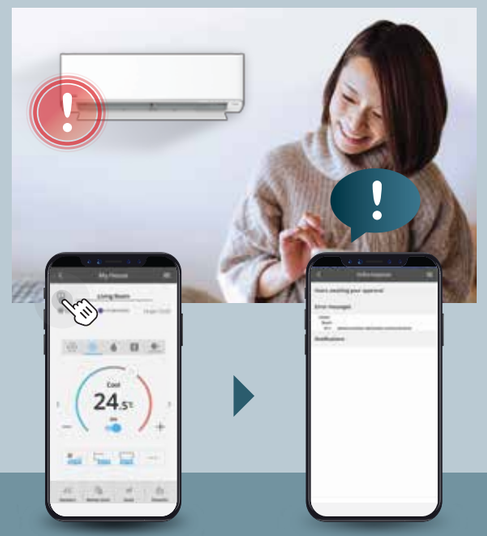

Nhận biết lỗi nhờ việc kiểm tra thông báo lỗi để thông báo cho kỹ thuật viên đến sửa chữa điều hòa nhanh chóng.

Chỉ định và quản lý người dùng

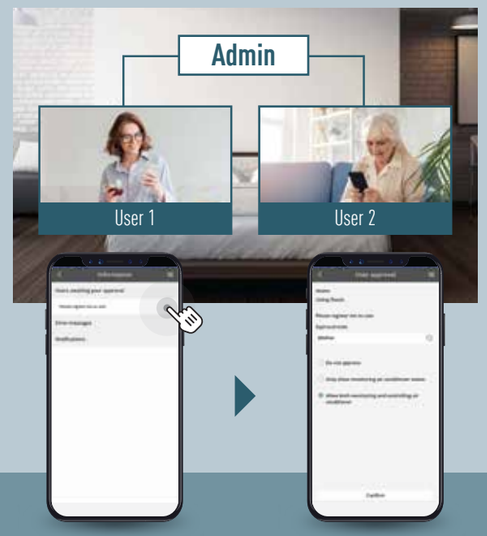

Chỉ định người dùng để điều khiển hoặc xem các thiết bị điều hòa không khí đã chọn.

Kết nối thông minh

Ứng dụng Panasonic Comfort Cloud

Tổng quan về chức năng chính

Màn hình chính của thiết bị

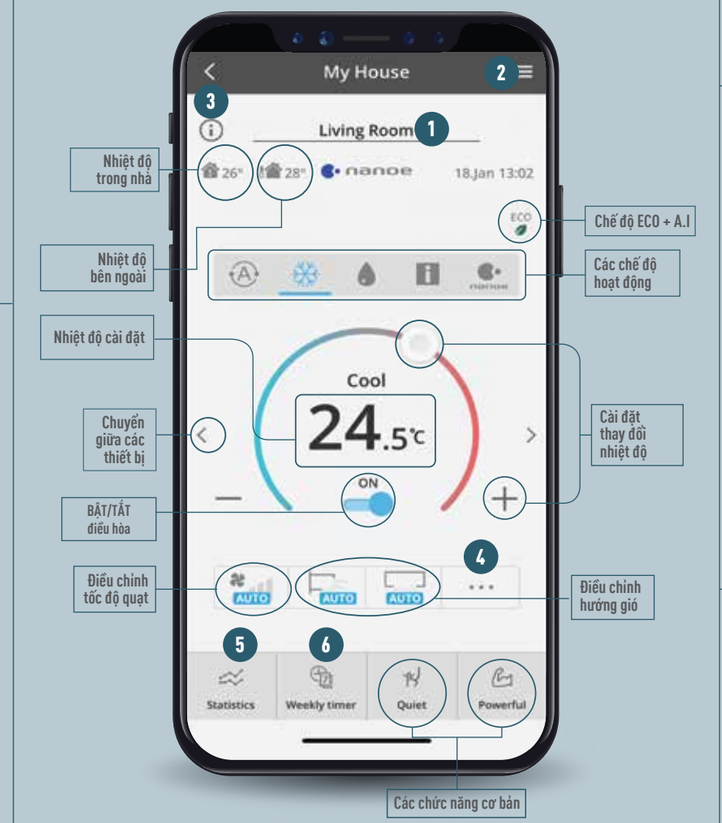

1 Trạng thái nhóm

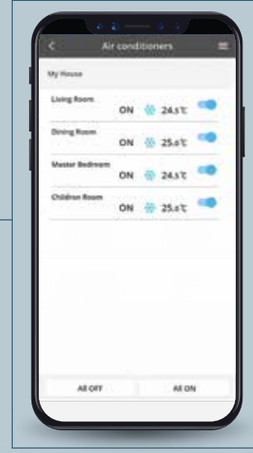

2 Mục chính

3 Thông báo

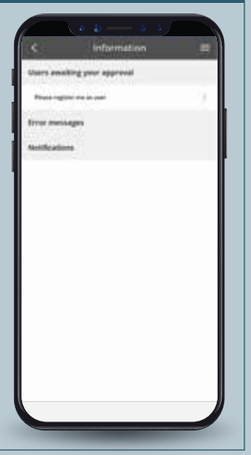

4 BẬT/TẮT nanoe và ECO

5 Thống kê

6 Hẹn giờ hàng tuần

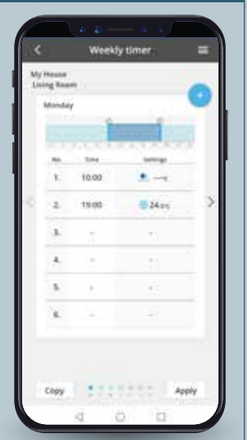

Yêu cầu cho việc kết nối với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud

Dàn lạnh – Mạng

Điều hòa được trang bị chức năng kết nối Wi-Fi tích hợp/Bộ điều hợp mạng tùy chọn CZ-TACG1 kết nối với cổng CN-CNT1[1]

Các yêu cầu khác về phần cứng*

Bộ định tuyến - Internet - Điện thoại thông minh (Kênh truyền 2,4 GHz bắt buộc)

*Mua và đăng ký riêng

Thiết bị và trình duyệt tương thích

1. iOS 9.0 trở lên
2. Android™ 5.0 Lollipop hoặc các phiên bản sau

Tải ứng dụng miễn phí

App Store | Google Play

[1] *Đối với các dòng điều hòa (INVERTER SANG TRỌNG, INVERTER CAO CẤP, INVERTER TIÊU CHUẨN với nanoe™ X và INVERTER HAI CHIỀU TIÊU CHUẨN), bạn cần có phụ kiện CZ-TACG1 được kết nối với cổng CN-CNT.
Tính năng tích hợp kết nối Wi-Fi chỉ có trong các dòng AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER TIÊU CHUẨN với kết nối Wi-Fi và INVERTER HAI CHIỀU CAO CẤP.
*Ảnh chụp màn hình dựa trên ứng dụng Comfort Cloud phiên bản 1.12.0 hiện tại

1*

Các vấn đề do độ ẩm cao gây ra

Độ ẩm tương đối cao ngay cả khi nhiệt độ thấp có thể làm tăng nguy cơ sốc nhiệt. Ngoài ra còn có thể gây khó chịu và chu kỳ giấc ngủ không đều.

Cảm biến độ ẩm tối ưu hóa môi trường lý tưởng[1] cho giấc ngủ

iAUTO-X mới của Panasonic với Cảm biến độ ẩm liên tục theo dõi và điều chỉnh mức ẩm tương đối xuống dưới 60% để có môi trường tối ưu cho giấc ngủ, làm mát thoải mái để bạn có thể tận hưởng giấc ngủ ngon hơn.

Điều chỉnh độ ẩm tương đối để duy trì dưới 60%

Kiểm soát độ ẩm như thế nào

iAUTO-X mới với Cảm biến độ ẩm liên tục theo dõi và điều chỉnh độ ẩm tương đối xuống dưới 60% theo các môi trường khác nhau, với nhiệt độ cài đặt đảm bảo cảm giác mát mẻ cân bằng xuyên suốt nhờ việc giảm nhiệt để làm lạnh tối ưu.

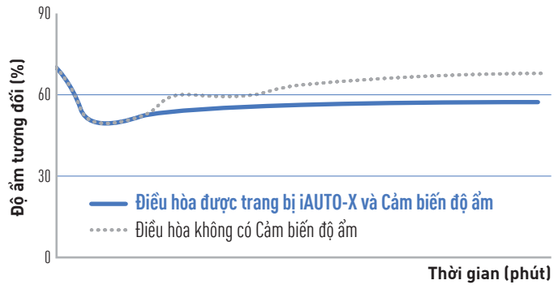

*** So sánh chế độ iAUTO-X và chế độ LÀM LẠNH thông thường đối với dòng AERO INVERTER CAO CẤP 1,5 HP**

Chế độ iAUTO-X:
Chế độ iAUTO-X. Nhiệt độ ngoài trời: 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt: 25°C, với Tốc độ quạt: Tự động
Hướng gió ngang: Tự động
Hướng gió dọc: Thẳng

Chế độ làm mát thông thường:
Chế độ làmmát . Nhiệt độ ngoài trời: 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt: 25°C, với Tốc độ quạt: Cao
Hướng gió ngang: Giữa
Hướng gió dọc: Thẳng

Độ ẩm tương đối trung bình của phòng được đo sau mỗi giờ đến giờ thứ 4 (trong điều kiện ổn định).
Tại Phòng thí nghiệm Panasonic [kích thước: 16,6 m³]
Hiệu quả khác nhau tùy theo điều kiện lắp đặt và sử dụng.

Điều hòa không có Cảm biến độ ẩm

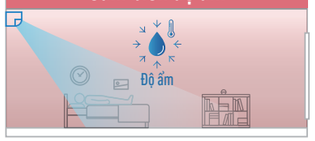

Không có cảm biến độ ẩm, độ ẩm tương đối trong phòng tăng lên trong quá trình hoạt động ổn định khiến cho môi trường ngủ không thoải mái.

Điều hòa được trang bị iAUTO-X và Cảm biến độ ẩm

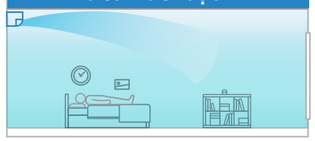

Cảm biến độ ẩm tự động kiểm soát độ ẩm tương đối dưới 60% để duy trì ổn định và thoải mái trong khi ngủ.

Cân bằng nhiệt độ và độ ẩm để tạo sự thoải mái

Với cùng nhiệt độ nhưng độ ẩm thấp hơn, căn phòng sẽ có cảm giác thoải mái và mát mẻ hơn so với khi độ ẩm cao hơn.

Vùng thoải mái dựa trên nhiệt độ và độ ẩm

Nhiệt độ: 25°C
Độ ẩm tương đối: 80%

Ở nhiệt độ cài đặt 25°C, căn phòng có cảm giác không thoải mái khi độ ẩm cao.

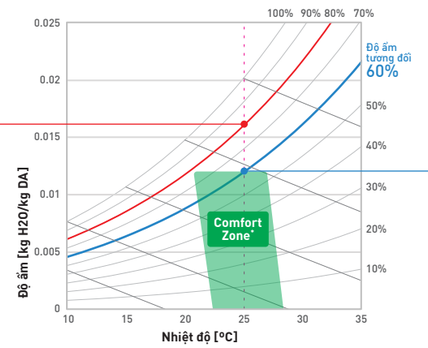

Vùng thoải mái định nghĩa bởi TIÊU CHUẨN ASHRAE.
*Tiêu chuẩn ANSI/ASHRAE 55-2010

Nhiệt độ: 25°C
Độ ẩm tương đối: 60%

Ở nhiệt độ cài đặt 25°C, căn phòng có cảm giác thoải mái hơn khi độ ẩm tương đối dưới 60%.

*Áp dụng cho dòng AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER CAO CẤP và INVERTER HAI CHIỀU CAO CẤP

Luồng gió thổi xa đến 15 mét nhờ AEROWINGS cải tiến mới[1]

Không ngừng phát triển để mang lại sự thoải mái và làm mát nhanh chóng, AEROWINGS mới kết hợp hai cánh đảo gió được điều khiển độc lập để làm mát căn phòng trong thời gian ngắn nhất có thể với quạt cánh xiên kích thước lớn (105 mm) và cánh đảo gió phía ngoài rộng (103 mm), cải thiện khả năng tăng tốc độ gió cấp hiệu quả.

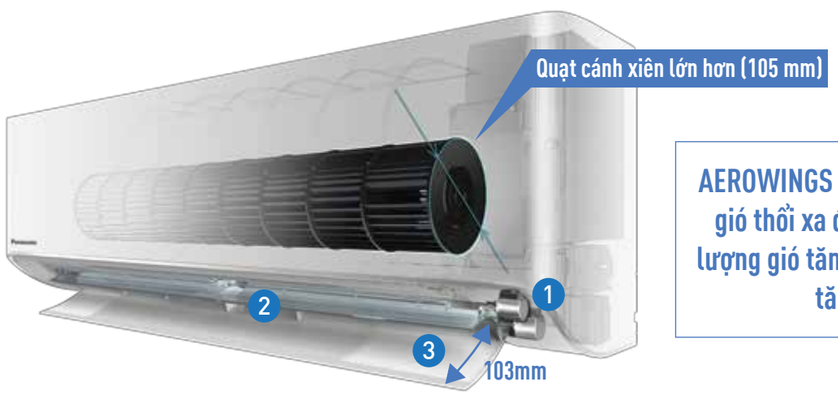

AEROWINGS mới cho phép luồng gió thổi xa đến 15 mét với lưu lượng gió tăng 10% và tốc độ gió tăng 20%[2].

1. **2 động cơ độc lập**
   Kiểm soát riêng biệt Cánh đảo gió phụ và Cánh đảo gió ngoài lớn.
2. **Cánh đảo gió phụ**
   Nén và tập trung không khí mát.
3. **Cánh đảo gió phía ngoài rộng(103 mm)**
   Giúp gió thổi xa hơn.

[1] Áp dụng cho dòng AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER CAO CẤP và INVERTER HAI CHIỀU CAO CẤP. [2] So sánh với dòng CAO CẤP trước đây (1,5 HP)

MỚI AEROWINGS

Làm mát dễ chịu

Luồng gió dễ chịu lan tỏa nhanh, mát và tập trung khắp căn phòng và đến tường, sau đó nhẹ nhàng lan tỏa xuống.

Làm mát nhanh

Cánh đảo gió đôi AEROWINGS hướng luồng gió tập trung xuống dưới để nhanh chóng giúp bạn cảm thấy mát.

Đánh giá luồng gió của chế độ Làm mát dễ chịu

AEROWINGS mới | AEROWINGS trước đây

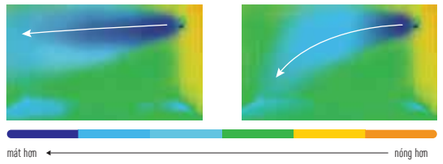

AEROWINGS mới cho phép luồng gió thổi mạnh và mát hơn xa hơn đến 15 mét và hướng luồng gió lên trên nhiều hơn về phía trần nhà để tránh làm lạnh trực tiếp và quá mức.

Đánh giá luồng gió của chế độ Làm mát nhanh

AEROWINGS mới | AEROWINGS trước đây

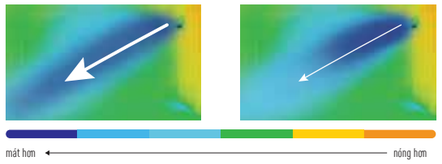

AEROWINGS mới hướng luồng gió tập trung xuống dưới để làm mát tức thì. Căn phòng được làm mát nhanh hơn với luồng gió mạnh hơn và mát hơn.

Luồng gió hiệu quả nhờ cài đặt thông tin vị trí[1]

Lưu trữ và đặt vị trí thiết bị điều hòa đã lắp đặt bằng điều khiển từ xa. Dựa trên thông tin vị trí, luồng gió sẽ được tự động tối ưu hóa và đưa đến trung tâm của căn phòng. Điều này mang lại các tùy chọn cài đặt linh hoạt hơn và giúp bạn tận hưởng hiệu quả làm mát cao nhất.

Với thông tin vị trí

Không khí lan tỏa ở giữa để làm mát đồng đều.

Lắp đặt ở giữa | Lắp đặt bên trái | Lắp đặt bên phải

Không có thông tin vị trí

Không khí lan tỏa không đều, làm giảm hiệu quả làm mát.

Lắp đặt ở giữa | Lắp đặt bên trái | Lắp đặt bên phải

[1] Áp dụng cho dòng AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER CAO CẤP và INVERTER HAI CHIỀU CAO CẤP.

Làm mát nhanh hơn với iAUTO-X[1]

iAUTO-X cung cấp khả năng làm mát nhanh và mạnh hơn thông qua việc sử dụng Công nghệ làm lạnh nhanh P-TECH của Panasonic cho phép máy nén đạt được tần số tối đa một cách nhanh chóng từ khi khởi động.
Với chức năng iAUTO-X mới, bạn có thể kích hoạt lại iAUTO-X để làm lạnh nhanh hơn ngay cả sau khi đã đạt đến nhiệt độ ổn định.

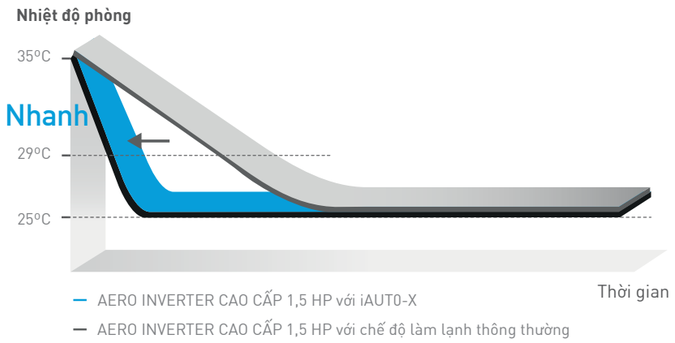

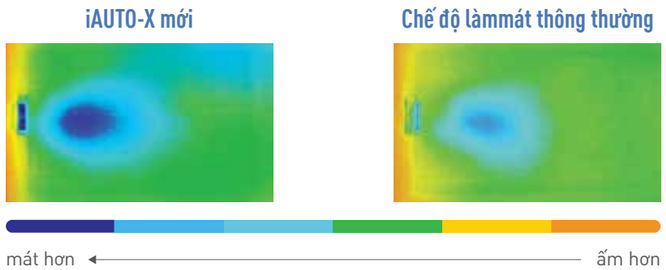

Luồng gió tập trung làm mát ngay lập tức. Phòng được làm mát đồng đều.

Không khí mát thổi xuống và làm mát căn phòng với tốc độ chậm, dẫn đến làm mát không đồng đều

*** So sánh Chế độ iAUTO-X và Chế độ LÀM LẠNH thông thường của dòng AERO INVERTER CAO CẤP 1,5 HP**

Chế độ iAUTO-X:
Chế độ iAUTO-X. Nhiệt độ ngoài trời: 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt: 25°C, với Tốc độ quạt: Tự động Hướng gió ngang: Tự động
Hướng gió dọc: Thẳng

Chế độ làm lạnh thông thường:
Chế độ làm lạnh. Nhiệt độ ngoài trời: 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt: 25°C, với Tốc độ quạt: Cao
Hướng gió ngang: Giữa
Hướng gió dọc: Thẳng

Đo tổng thời gian cần thiết để hạ nhiệt phòng từ 35°C xuống 29°C.
Tại Phòng thí nghiệm Panasonic [kích thước: 16,6 m³]
Hiệu quả khác nhau tùy vào điều kiện lắp đặt và sử dụng.

Sự độc đáo của iAUTO-X[1]

Tốc độ quạt tự động

iAUTO-X tự động chuyển tốc độ quạt sang tốc độ trung bình, cao và rất cao tùy thuộc vào chênh lệch giữa nhiệt độ phòng và nhiệt độ cài đặt.

TỐC ĐỘ QUẠT TRUNG BÌNH
▼ ▲
TỐC ĐỘ QUẠT CAO
▼ ▲
TỐC ĐỘ QUẠT RẤT CAO

Chuyển động của cánh đảo gió

Sau khi đạt đến nhiệt độ cài đặt, cánh đảo gió tự động di chuyển lên trên để thực hiện làm mát dễ chịu cho cảm giác mát đều ở nhiệt độ cài đặt, tránh gió thổi trực tiếp vào cơ thể.

Kích hoạt lại iAUTO-X

Kích hoạt lại chế độ làm mát nhanh hơn bằng cách nhấn nút iAUTO-X lần thứ hai!

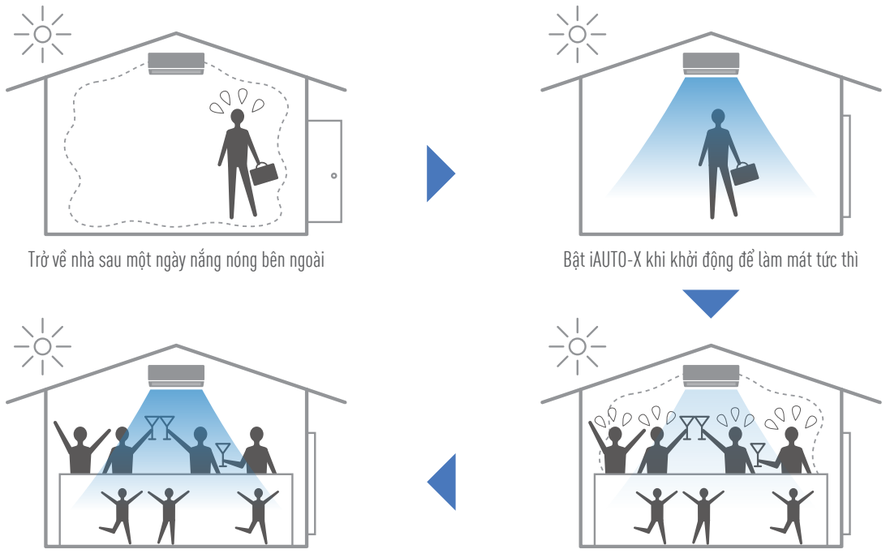

[1] Áp dụng cho AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER CAO CẤP and INVERTER HAI CHIỀU CAO CẤP.

Công nghệ thân thiện với môi trường cho cuộc sống tốt đẹp hơn

Hiệu quả không khí của Panasonic mang lại một môi trường sống bền vững với các công nghệ làm giảm lượng khí thải carbon vào bầu khí quyển của Trái đất, đồng thời tiết kiệm chi phí sử dụng điện, mang đến giải pháp thân thiện với môi trường.

Tận hưởng khả năng làm mát thông minh với các tính năng thân thiện với môi trường như giảm mức sử dụng điện năng, điều chỉnh công suất làm mát và sử dụng năng lượng hiệu quả để tiết kiệm hơn và cải thiện mức tiêu thụ năng lượng, mang lại lợi ích cho cả bạn và môi trường.

INVERTER CSPF R32 REFRIGERANT ECO+A.I.

Hiệu suất hoạt động cao

Công nghệ Inverter của Panasonic giúp tiết kiệm điện năng bằng cách thay đổi tốc độ của máy nén theo sự thay đổi nhiệt độ với mục đích giảm thiểu biến động nhiệt độ để bạn có thể tận hưởng sự thoải mái ổn định trong khi làm mát.

Làm mát nhanh và thoải mái

PAM (bộ khuếch đại biên độ xung) tăng điện áp đầu ra để tăng tốc độ máy nén khi khởi động để làm mát nhanh chóng và PWM (bộ điều biến độ rộng xung) ổn định nhiệt độ cài đặt mà không lãng phí năng lượng, mang đến sự thoải mái liên tục.

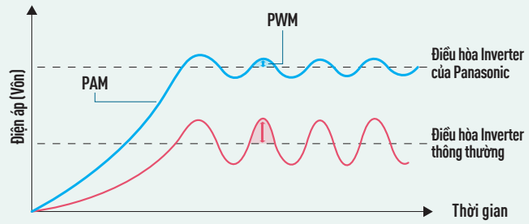

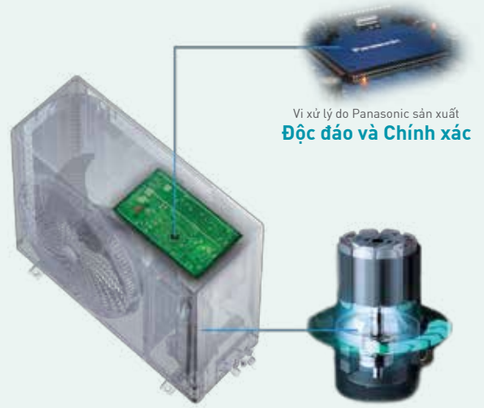

Vi xử lý do Panasonic sản xuất
Độc đáo và Chính xác

Máy nén do Panasonic sản xuất
Nhẹ nhàng và Mạnh mẽ

Lợi ích Công nghệ Inverter của Panasonic

Khả năng tiết kiệm năng lượng của công nghệ Inverter mang lại nhiều lợi ích giúp bạn thoải mái, bao gồm khả năng làm mát nhanh khi khởi động, liên tục duy trì nhiệt độ cài đặt, phạm vi công suất đầu ra rộng hơn và giảm độ ồn.

- Làm lạnh nhanh khi khởi động
- Duy trì nhiệt độ cài đặt ổn định
- Phạm vi công suất đầu ra rộng
- Vận hành êm ái

Lý do nên chọn điều hòa Inverter của Panasonic

Tiết kiệm chi phí sử dụng điện

Điều hòa Inverter của Panasonic ngăn ngừa tình trạng quá lạnh hoặc quá nóng bất kể diện tích hoặc trạng thái phòng.

Luôn mát mẻ suốt cả ngày

Phạm vi công suất đầu ra rộng của các dòng điều hòa Inverter mang lại sự thoải mái cân bằng bất kể biến động nhiệt độ gây ra do việc sử dụng hoặc các thiết bị sinh nhiệt.

Giảm thời gian chờ

Với khả năng khởi động mạnh mẽ và nhanh chóng, bạn không còn phải chờ đợi để trải nghiệm cảm giác dễ chịu sảng khoái.

CSPF

Chỉ số hiệu suất lạnh toàn mùa

Máy điều hòa Panasonic không chỉ đạt được Tỷ lệ hiệu suất năng lượng (EER) cao ở hoạt động định mức, mà chỉ số hiệu suất lạnh toàn mùa (CSPF) cũng rất cao - một phép đo hiệu suất năng lượng thực tế hơn dựa trên môi trường sử dụng thực của khách hàng trong suốt một năm.

Tính CSPF

$$CSPF = \frac{CSTL}{CSEC}$$

Tổng tải lạnh toàn mùa (CSTL)
Tổng lượng nhiệt thoát ra từ trong nhà khi thiết bị được vận hành để làm mát tòa nhà trong mùa làm mát.

Mức tiêu thụ năng lượng làm lạnh toàn mùa (CSEC)
Tổng lượng năng lượng mà thiết bị tiêu thụ khi được vận hành để làm mát trong mùa làm mát.

Ưu điểm của Hiệu suất toàn mùa so với Hiệu suất danh định

Yếu tố	Danh định	CSPF
Nhiệt độ	Một điểm của điều kiện nhiệt độ, ví dụ: nhiệt độ ngoài trời 35°C để làm mát. Trên thực tế, nhiệt độ ngoài trời liên tục thay đổi.	Áp dụng một số nhiệt độ định mức để làm mát, phản ánh hiệu suất thực tế trong toàn bộ mùa làm mát.
Công suất lạnh	Tính toán dựa trên công suất đầy đủ. Do đó, rất khó để chứng minh lợi ích của công nghệ INVERTER.	Tích hợp các hoạt động ở mức tải một phần thay vì toàn bộ công suất. Có thể dễ dàng xác định lợi ích của INVERTER.

R32
MÔI CHẤT LẠNH

Môi chất lạnh thân thiện với môi trường

Môi chất lạnh R32 là phương tiện truyền nhiệt tuyệt vời giúp đạt hiệu quả về chi phí và năng lượng cao hơn. Môi chất lạnh này cũng có rủi ro gây nóng lên toàn cầu thấp, do đó thân thiện hơn với môi trường.

HIỆU SUẤT LÀM LẠNH CAO HƠN

R32 có **công suất lạnh cao hơn**, giúp tăng hiệu suất làm mát

GIẢM CHI PHÍ ĐIỆN NĂNG

Tiêu thụ **ít điện năng hơn**, giúp tiết kiệm chi phí.

THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

R32 **không ảnh hưởng** đến tầng ô zôn, thân thiện với môi trường.

Đặc tính của môi chất lạnh R32, R410A và R22

	R32	R410A	R22
Thành phần	Một thành phần	2 thành phần	Một thành phần
Công thức hóa học	CH_2F_2	CH_2F_2 / CHF_2CF_3	$CHCLF_2$
Nhiệt độ sôi (°C)	-51.7	-51.5	-40.8
Chỉ số tác động lêntầng ô zôn (ODP)	0	0	0.055
Chỉ số làm nóng lên toàn cầu (GWP)	675	2090	1810
Áp suất	1.6 x	1.6 x	1x
Môi chất lạnh	Dầu tổng hợp (FW50S)	Dầu tổng hợp (FV50S)	Dầu khoáng
Độc tính	Không	Không	Không
Khả năng cháy	A2L dễ cháy mức trung bình	A1 không bắt lửa	A1 không bắt lửa

Cân bằng hài hòa giữa tiết kiệm năng lượng và mang lại sự thoải mái

Vì môi trường mỗi phòng khác nhau, chế độ ECO tích hợp Điều khiển Trí tuệ Nhân tạo (A.I.) sẽ làm mát căn phòng hiệu quả dựa trên lượng tải nhiệt và công suất điều hòa, và tìm ra mức cân bằng ECO hoàn hảo nhất giữa mức tiêu thụ điện năng và thời gian đạt nhiệt độ mong muốn để duy trì cảm giác thoải mái dễ chịu mà vẫn tiết kiệm năng lượng.

Chế độ ECO tích hợp A.I. sẽ tự động nắm bắt và phán đoán cấp độ ECO tối ưu dựa trên:

1 Điều kiện phòng

2 2 Nguồn nhiệt:
(A) Ánh nắng mặt trời và đèn trong phòng
(B) Máy tính và các thiết bị điện khác
(C) Thân nhiệt

Khi điều hòa bật

- Cần làm mát nhanh
  Chế độ ECO tích hợp A.I. ưu tiên tối ưu hóa sự mát lạnh thoải mái đồng thời tiết kiệm điện năng nhờ chế độ ECO.

- Ban đêm với gió mát
  Chế độ ECO tích hợp A.I. ưu tiên tiết kiệm năng lượng tối đa.

Sau khi đạt nhiệt độ cài đặt

- Thoải mái dễ chịu cho dù ngày hay đêm
- Tiết kiệm điện năng sau khi đạt nhiệt độ cài đặt
  Chế độ ECO tích hợp A.I. tiếp tục tiết kiệm năng lượng và tự động điều chỉnh nhiệt độ phòng để luôn mang lại cảm giác mát lạnh dễ chịu

Cách kích hoạt chế độ ECO tích hợp Điều khiển A.I.

- Ấn ECO **để BẬT chế độ ECO.**
- Ấn ECO lần thứ hai để hủy/tắt chế độ ECO.

UP TO 20%* ENERGY SAVING ECO+A.I.

***So sánh chế độ ECO và chế độ thông thường trên dòng Inverter 1,5 HP**

Chế độ ECO:
Chế độ ECO. Nhiệt độ ngoài trời: 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt: 25°C, với Tốc độ quạt: Cao
Hướng gió ngang: Giữa
Hướng gió dọc: Thẳng

Chế độ thông thường:
Chế độ thông thường. Nhiệt độ ngoài trời: 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt: 25°C, với Tốc độ quạt: Cao
Hướng gió ngang: Giữa
Hướng gió dọc: Thẳng

Tổng công suất tiêu thụ được đo trong 1 giờ ở điều kiện vận hành ổn định.
Tại Phòng thí nghiệm Panasonic (kích thước: 13,3 m^2)
Hiệu quả khác nhau tùy vào điều kiện lắp đặt và sử dụng

* Chỉ áp dụng cho các dòng sản phẩm có chức năng ECO+A.I.

GẦN TRẦN NHÀ

Phù hợp để lắp ở mọi vị trí

Điều hòa Panasonic được thiết kế với kích thước nhỏ gọn, đơn giản với mặt ngoài không bóng, cho phép dễ dàng lắp đặt và hài hòa với mọi nội thất. Cấu trúc được thiết kế độc đáo giúp tăng cường độ bền, đồng thời giúp thực hiện các quy trình lắp đặt và bảo trì dễ dàng hơn.

Giải thưởng Good Design Award 2020 đã ghi nhận thành tựu của Panasonic trong việc cân bằng giữa thiết kế và chức năng của sản phẩm vì lợi ích của cộng đồng trên toàn thế giới[1].

GOOD DESIGN
AWARD 2020

[1] Giải thưởng Good Design Award 2020 áp dụng đối với INVERTER TIÊU CHUẨN với kết nối Wi-Fi (1,0 HP – 2,0 HP), INVERTER TIÊU CHUẨN (1,0 HP – 2,0 HP), KHÔNG INVERTER TIÊU CHUẨN R32 (1,0 HP – 1,6 HP) và INVERTER HAI CHIỀU TIÊU CHUẨN (1,0 HP – 1,5 HP).

LẮP ĐẶT VÀ BẢO DƯỠNG DỄ DÀNG

DỄ DÀNG THÁO LẮP

Khóa trượt dễ sử dụng

Dễ dàng khóa và mở khóa cửa gió phía trước.

Mặt nạ dàn lạnh nguyên khối

Giúp việc lắp đặt và bảo dưỡng dễ dàng hơn khi tháo hoặc lắp.

Các bước đơn giản để tháo bo mạch (PCB)

Tháo nắp bảng điều khiển.

Ngắt kết nối tất cả các đầu nối.

Kéo PCB chính ra, thiết kế không vít giúp dễ dàng tháo PCB.

THAO TÁC DỄ DÀNG

Tích hợp thanh đỡ

Thanh đỡ được tích hợp giúp dễ dàng giữ vững dàn lạnh trên tường.

Không gian chứa ống đồng

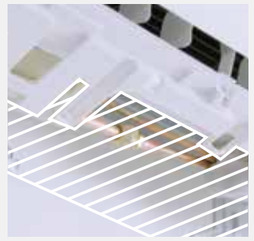

Không gian thao tác ống đồng lớn hơn 180 mm cải thiện hiệu quả trong quá trình lắp đặt và bảo dưỡng.

Dễ dàng thao tác ống thoát nước ngưng và ống đồng

Không gian lắp đặt rộng mở hơn giúp dễ quan sát và tiếp cận để lắp ống thoát nước ngưng và ống đồng.

Cắm và kết nối dây điện dễ dàng

Đường luồn dây đơn với lỗ mở rộng hơn giúp quan sát từ phía trước và dễ dàng cắm và kết nối dây.

LẮP ĐẶT GỌN NHẸ

Giá đỡ dàn lạnh chắc chắn hơn

Giá đỡ dàn lạnh chắc chắn và cứng hơn, mang lại sự ổn định để cố định dàn lạnh được tốt hơn.

Giá đỡ gắn vít cho các bề mặt không bằng phẳng

Đảm bảo dàn lạnh vừa khít trên tường mà không có bất kỳ khoảng trống nào.

TREO TƯỜNG

MỘT CHIỀU INVERTER SANG TRỌNG

CS-VU9UKH-8 | CS-VU12UKH-8 | CS-VU18UKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

Bộ điều hợp mạng
CZ-TACG1
(Tùy chọn)

nanoeX — nanoe X Generator Mark 1 | nanoe-G | SKYWING | iAuto-X INTELLIGENT, DYNAMIC, COOL. | INVERTER | XTRA QUIET 18dB (CS-VU9UKH-8)

MODEL	DÀN LẠNH (50Hz)		CS-VU9UKH-8	CS-VU12UKH-8	CS-VU18UKH-8
	DÀN NÓNG		CU-VU9UKH-8	CU-VU12UKH-8	CU-VU18UKH-8
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất – lớn nhất)	kW	2.50 (0.84-3.60)	3.40 (1.02-4.50)	5.20 (1.10-5.80)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/h	8,530 (2,860-12,300)	11,600 (3,480-15,300)	17,700 (3,750-19,800)
EER	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/hW	17.41 (13.30-13.67)	14.15 (14.20-12.75)	12.21 (12.93-11.86)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	W/W	5.10 (3.91-4.00)	4.15 (4.16-3.75)	3.59 (3.79-3.47)
CSPF		W/W	6.89	6.61	5.48
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	2.4	4.0	7.0
	Công suất điện (nhỏ nhất – lớn nhất)	W	490 (215-900)	820 (245-1,200)	1,450 (290-1,670)
Khử ẩm		L/h	1.5	2.0	2.9
		Pt/h	3.2	4.2	6.1
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m^3/min (ft^3/min)	11.5 (405)	12.8 (450)	14.8 (520)
	Dàn nóng	m^3/min (ft^3/min)	31.3 (1,110)	31.3 (1,110)	34.9 (1,230)
Độ ồn	Dàn lạnh (C/T/TB)	dB (A)	42/26/18	43/28/19	46/36/33
	Dàn nóng (C)	dB (A)	47	48	49
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Cao	mm	306 (542)	306 (542)	306 (619)
		inch	12-1/16 (21-11/32)	12-1/16 (21-11/32)	12-1/16 (24-3/8)
	Rộng	mm	950 (780)	950 (780)	950 (824)
		inch	37-13/32 (30-23/32)	37-13/32 (30-23/32)	37-13/32 (32-15/32)
	Sâu	mm	280 (289)	280 (289)	280 (299)
		inch	11-1/32 (11-13/32)	11-1/32 (11-13/32)	11-1/32 (11-25/32)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	12 (26)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	30 (66)	30 (66)	33 (73)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 15.88
		inch	3/8	1/2	5/8
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0
	Chiều dài tối đa	m	20	20	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	25
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài đường ống không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị

TÍNH NĂNG

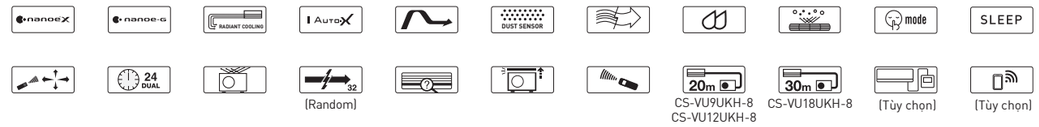

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA MÀN HÌNH LED

Tận hưởng thiết kế sáng tạo với Bộ điều khiển thời trang và kiểu dáng đẹp sang trọng. Thiết kế hiện đại với bảng điều khiển nằm dưới nắp trượt, giúp người sử dụng và vận hành các chức năng một cách dễ dàng.
Bộ điều khiển có kích thước 58,9mm x 164,7mm, vừa tầm tay, giúp thao tác điều khiển thoải mái nhất

Điều khiển không dây
Áp dụng cho
dòng INVERTER SANG TRỌNG

1. Màn hình đèn LED giúp dễ dàng sử dụng trong bóng tối.
2. Nút nguồn.
3. Bật chức năng nanoe™ để kích hoạt nanoe™ X và nanoe-G giúp khử mùi và lọc sạch không khí ngay cả khi điều hòa đã tắt.
4. Chuyển đổi giữa CHẾ ĐỘ LÀM LẠNH TẢN NHIỆT và Làm lạnh nhanh (TRỰC TIẾP).
5. Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
6. iAUTO-X giúp LÀM LẠNH NHANH, sau đó chuyển sang CHẾ ĐỘ LÀM LẠNH TẢN NHIỆT để tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng.
7. Cài đặt hướng thổi gió.
8. Điều chỉnh tốc độ quạt.
9. Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM.
10. Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
11. Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
12. Cài đặt thời gian thực [giờ và phút].

24 DUAL
HẸN GIỜ KÉP

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY

Đặt thời gian thực tế (giờ và phút).

1. Chọn BẬT hoặc TẮT Hẹn giờ — TIMER ON: 1 → 2 → Cancel; TIMER OFF: 1 → 2 → Cancel
2. Đặt giờ — SET

DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT

CU-VU9UKH-8
CU-VU12UKH-8

CU-VU18UKH-8

TREO TƯỜNG

MỘT CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP

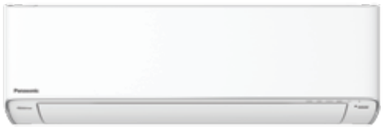

CS-XU9XKH-8 | CS-XU12XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

CS-XU18XKH-8 | CS-XU24XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

MODEL	DÀN LẠNH DÀN NÓNG	(50Hz)	CS-XU9XKH-8 CU-XU9XKH-8	CS-XU12XKH-8 CU-XU12XKH-8	CS-XU18XKH-8 CU-XU18XKH-8	CS-XU24XKH-8 CU-XU24XKH-8
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất – lớn nhất)	kW	2.55 (0.92-3.40)	3.50 (1.02-4.20)	5.30 (1.10-6.21)	6.10 (1.12-7.18)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/h	8,700 (3,140-11,600)	11,900 (3,480-14,300)	18,100 (3,750-21,200)	20,800 (3,820-24,500)
EER	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/hW	12.79 (13.96-11.26)	12.53 (13.92-11.44)	13.71 (13.89-12.47)	13.00 (15.28-11.95)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	W/W	3.75 (4.09-3.30)	3.68 (4.08-3.36)	4.02 (4.07-3.65)	3.81 (4.48-3.50)
CSPF		W/W	5.85	6.34	7.28	6.88
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.2	4.4	6.2	7.4
	Công suất điện (nhỏ nhất – lớn nhất)	W	680 (225-1,030)	950 (250-1,250)	1,320 (270-1,700)	1,600 (250-2,050)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9	3.4
		Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.2
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m^3/min (ft^3/min)	11.7 (415)	12.5 (440)	18.7 (660)	19.2 (680)
	Dàn nóng	m^3/min (ft^3/min)	26.5 (940)	30.9 (1,090)	34.9 (1,230)	46.3 (1,635)
Độ ồn	Dàn lạnh (C/T/TB)	dB (A)	38/26/19	40/28/19	44/32/27	45/34/28
	Dàn nóng (C)	dB (A)	47	48	50	51
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Cao	mm	295 (511)	295 (542)	295 (619)	295 (695)
		inch	11-5/8 (20-1/8)	11-5/8 (21-11/32)	11-5/8 (24-3/8)	11-5/8 (27-3/8)
	Rộng	mm	870 (650)	870 (780)	1,040 (824)	1,040 (875)
		inch	34-9/32 (25-19/32)	34-9/32 (30-23/32)	40-31/32 (32-15/32)	40-31/32 (34-15/32)
	Sâu	mm	229 (230)	229 (289)	244 (299)	244 (320)
		inch	9-1/32 (9-1/16)	9-1/32 (11-13/32)	9-5/8 (11-25/32)	9-5/8 (12-5/8)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	10 (22)	10 (22)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	18 (40)	23 (51)	30 (66)	39 (86)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70
		inch	3/8	3/8	1/2	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0	10.0
	Chiều dài tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	15
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài đường ống không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐẶC ĐIỂM

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị Màn hình tinh thể lỏng (LCD) cỡ lớn, giúp người dùng có thể sử dụng dễ dàng hơn. Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng việc thao tác dễ dàng và sự thoải mái lâu dài từ Điều hòa Panasonic.

Điều khiển không dây
Áp dụng cho
AERO INVERTER CAO CẤP

1. Màn hình LCD dễ dàng hiển thị tình trạng hoạt động chung của máy.
2. Nút nguồn.
3. Bật chức năng nanoe™ để kích hoạt nanoe™ X và nanoe-G giúp khử mùi và lọc sạch không khí ngay cả khi điều hòa đã tắt.
4. iAUTO-X giúp làm lạnh nhanh, đồng thời chế độ LÀM LẠNH DỄ CHỊU tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng và mang đến sự thoải mái liên tục. Kích hoạt lại chế độ làm lạnh nhanh khi nhiệt độ ổn định bằng cách nhấn nút iAUTO-X lần thứ hai.
5. Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
6. Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM
7. Cài đặt hướng thổi gió.
8. Điều chỉnh chế độ TỐC ĐỘ QUẠT hoặc SIÊU ÊM cho giấc ngủ đêm thoải mái.
9. Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
10. Bật chế độ ECO + A.I. cho phép bạn tận hưởng cảm giác mát mẻ sảng khoái và tiết kiệm năng lượng.
11. Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
12. Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).

24 DUAL
HẸN GIỜ KÉP

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY

Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

1. Chọn BẬT hoặc TẮT Hẹn giờ. TIMER ON → 1 → 2 → Cancel; TIMER OFF → 1 → 2 → Cancel
2. Đặt giờ. SET

DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT

CU-XU9XKH-8

CU-XU12XKH-8

CU-XU18XKH-8

CU-XU24XKH-8

TREO TƯỜNG

MỘT CHIỀU INVERTER CAO CẤP

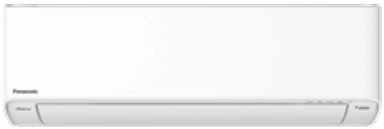

CS-U9XKH-8 | CS-U12XKH-8

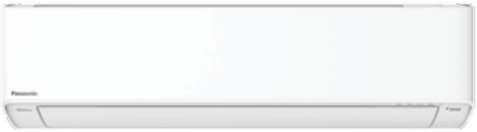

CS-U18XKH-8 | CS-U24XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

Bộ điều hợp mạng
CZ-TACG1
(Tùy chọn)

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

Bộ điều hợp mạng
CZ-TACG1
(Tùy chọn)

MODEL	DÀN LẠNH DÀN NÓNG	(50Hz)	CS-U9XKH-8 CU-U9XKH-8	CS-U12XKH-8 CU-U12XKH-8	CS-U18XKH-8 CU-U18XKH-8	CS-U24XKH-8 CU-U24XKH-8
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất – lớn nhất)	kW	2.55 (0.92-3.40)	3.50 (1.02-4.20)	5.30 (1.10-6.21)	6.10 (1.12-7.18)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/h	8,700 (3,140-11,600)	11,900 (3,480-14,300)	18,100 (3,750-21,200)	20,800 (3,820-24,500)
EER	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/hW	12.79 (13.96-11.26)	12.53 (13.92-11.44)	13.71 (13.89-12.47)	13.00 (15.28-11.95)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	W/W	3.75 (4.09-3.30)	3.68 (4.08-3.36)	4.02 (4.07-3.65)	3.81 (4.48-3.50)
CSPF		W/W	5.84	6.33	7.28	6.87
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.2	4.4	6.2	7.4
	Công suất điện (nhỏ nhất – lớn nhất)	W	680 (225-1,030)	950 (250-1,250)	1,320 (270-1,700)	1,600 (250-2,050)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9	3.4
		Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.2
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m^3/min (ft^3/min)	11.7 (415)	12.5 (440)	18.7 (660)	19.2 (680)
	Dàn nóng	m^3/min (ft^3/min)	26.5 (940)	30.9 (1,090)	34.9 (1,230)	46.3 (1,635)
Độ ồn	Dàn lạnh (C/T/TB)	dB (A)	38/26/19	40/28/19	44/32/27	45/34/28
	Dàn nóng (C)	dB (A)	47	48	50	51
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Cao	mm	295 (511)	295 (542)	295 (619)	295 (695)
		inch	11-5/8 (20-1/8)	11-5/8 (21-11/32)	11-5/8 (24-3/8)	11-5/8 (27-3/8)
	Rộng	mm	870 (650)	870 (780)	1,040 (824)	1,040 (875)
		inch	34-9/32 (25-19/32)	34-9/32 (30-23/32)	40-31/32 (32-15/32)	40-31/32 (34-15/32)
	Sâu	mm	229 (230)	229 (289)	244 (299)	244 (320)
		inch	9-1/32 (9-1/16)	9-1/32 (11-13/32)	9-5/8 (11-25/32)	9-5/8 (12-5/8)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	10 (22)	10 (22)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	18 (40)	23 (51)	30 (66)	39 (86)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70
		inch	3/8	3/8	1/2	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0	10.0
	Chiều dài tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	15
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài đường ống không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị

ĐẶC ĐIỂM

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị Màn hình tinh thể lỏng (LCD) cỡ lớn, giúp người dùng có thể sử dụng dễ dàng hơn. Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng việc thao tác dễ dàng và sự thoải mái lâu dài từ Điều hòa Panasonic.

Điều khiển không dây
Áp dụng cho dòng
INVERTER CAO CẤP

1. Màn hình LCD dễ dàng hiển thị tình trạng hoạt động chung của máy.
2. Nút nguồn.
3. Bật chức năng công nghệ nanoe™ để kích hoạt nanoe™ X và nanoe-G giúp khử mùi và lọc sạch không khí ngay cả khi điều hòa đã tắt.
4. iAUTO-X giúp làm lạnh nhanh, đồng thời chế độ LÀM LẠNH DỄ CHỊU tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng và mang đến sự thoải mái liên tục. Kích hoạt lại chế độ làm lạnh nhanh khi nhiệt độ ổn định bằng cách nhấn nút iAUTO-X lần thứ hai.
5. Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
6. Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM
7. Cài đặt hướng thổi gió.
8. Điều chỉnh chế độ TỐC ĐỘ QUẠT hoặc chức năng SIÊU ÊM cho giấc ngủ đêm thoải mái.
9. Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
10. Bật chế độ ECO + A.I. cho phép bạn tận hưởng cảm giác mát mẻ sảng khoái và tiết kiệm năng lượng.
11. Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
12. Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).

24 DUAL
DUAL TIMER

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY

Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

1. Chọn BẬT hoặc TẮT Hẹn giờ. TIMER ON → 1 → 2 → Cancel; TIMER OFF → 1 → 2 → Cancel
2. Đặt giờ. SET

DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT

CU-U9XKH-8

CU-U12XKH-8

CU-U18XKH-8

CU-U24XKH-8

TREO TƯỜNG

MỘT CHIỀU | INVERTER | TIÊU CHUẨN KẾT NỐI WI-FI

CS-WPU9XKH-8 | CS-WPU12XKH-8 | CS-WPU18XKH-8

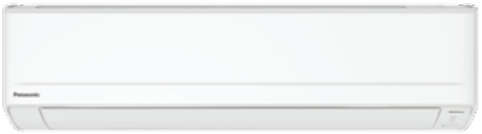

CS-WPU24XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

nanoe-G | TÍCH HỢP | BIG FLAP (CS-WPU9/12/18XKH-8) | AEROWINGS (CS-WPU24XKH-8) | POWERFUL | INVERTER | ECO+A.I.

MODEL	DÀN LẠNH / DÀN NÓNG (50Hz)		CS-WPU9XKH-8 / CU-WPU9XKH-8	CS-WPU12XKH-8 / CU-WPU12XKH-8	CS-WPU18XKH-8 / CU-WPU18XKH-8	CS-WPU24XKH-8 / CU-WPU24XKH-8
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất – lớn nhất)	kW	2.65 (0.84-2.90)	3.50 (1.02-4.00)	5.00 (1.10-5.40)	6.10 (1.12-7.18)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/h	9,040 (2,860-9,890)	11,900 (3,480-13,600)	17,100 (3,750-18,400)	20,800 (3,820-24,500)
EER	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/hW	11.30 (12.71-10.99)	11.12 (12.65-11.06)	10.30 (12.93-10.22)	12.61 (15.28-11.95)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	W/W	3.31 (3.73-3.22)	3.27 (3.71-3.25)	3.01(3.79-3.00)	3.70 (4.48-3.50)
CSPF		W/W	4.81	5.06	5.09	6.22
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.9	5.0	7.7	7.7
	Công suất điện (nhỏ nhất – lớn nhất)	W	800 (225-900)	1,070 (275-1,230)	1,660 (290-1,800)	1,650 (250-2,050)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.8	3.4
		Pt/h	3.4	4.2	5.9	7.2
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m^3/min (ft^3/min)	10.3 (365)	11.0 (390)	12.6 (445)	19.2 (680)
	Dàn nóng	m^3/min (ft^3/min)	26.7 (940)	30.2 (1,065)	39.3 (1,390)	34.9 (1,230)
Độ ồn	Dàn lạnh (C/T/TB)	dB (A)	36/26/21	37/28/21	44/34/28	45/34/29
	Dàn nóng (C)	dB (A)	47	48	51	51
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Cao	mm	290 (511)	290 (542)	290 (619)	295 (619)
		inch	11-7/16 (20-1/8)	11-7/16 (21-11/32)	11-7/16 (24-3/8)	11-5/8 (24-3/8)
	Rộng	mm	779 (650)	779 (780)	779 (824)	1,040 (824)
		inch	30-11/16 (25-19/32)	30-11/16 (30-23/32)	30-11/16 (32-15/32)	40-31/32 (32-15/32)
	Sâu	mm	209 (230)	209 (289)	209 (299)	244 (299)
		inch	8-1/4 (9-1/16)	8-1/4 (11-13/32)	8-1/4 (11-25/32)	9-5/8 (11-25/32)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	8 (18)	8 (18)	9 (20)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	18(40)	23(51)	29 (64)	32 (71)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70
		inch	3/8	3/8	1/2	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0	10.0
	Chiều dài tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	15
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài đường ống không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị

ĐẶC ĐIỂM

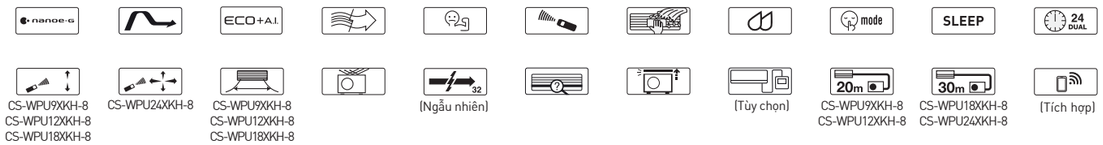

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị Màn hình tinh thể lỏng (LCD) cỡ lớn, giúp người dùng có thể sử dụng dễ dàng hơn. Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng việc thao tác dễ dàng và sự thoải mái lâu dài từ Điều hòa Panasonic.

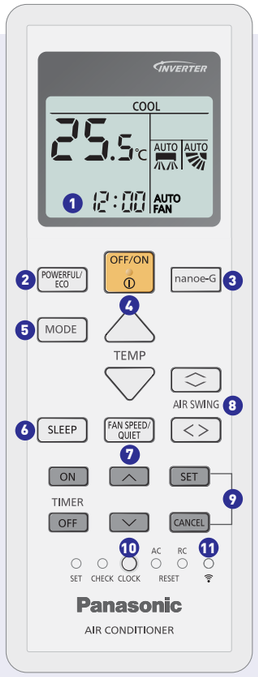

Điều khiển không dây
Áp dụng cho
CS-WPU24XKH-8

1. Màn hình LCD dễ dàng hiển thị tình trạng hoạt động chung của máy.
2. Chuyển đổi giữa chế độ POWERFUL và ECO tích hợp A.I. Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh nhanh đồng thời tiết kiệm năng lượng với chế độ ECO tích hợp A.I.
3. Kích hoạt chức năng nanoe-G ngay cả khi điều hòa tắt.
4. Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
5. Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM
6. Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
7. Điều chỉnh chế độ TỐC ĐỘ QUẠT hoặc chức năng SIÊU ÊM cho giấc ngủ đêm thoải mái.
8. Cài đặt hướng thổi gió.
9. Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
10. Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).
11. Ấn nút LAN không dây để kết nối mạng LAN.

Làm lạnh với cường độ cao khi khởi động

Chế độ POWERFUL làm mát căn phòng của bạn nhanh hơn 18%* khi khởi động để mang lại cho bạn sự thoải mái mát mẻ ngay lập tức trong một ngày nóng bức.

Ấn POWERFUL/ ECO một lần để BẬT chế độ POWERFUL.

* So sánh Chế độ làm lạnh POWERFUL và chế độ làm lạnh thông thường trên dòng Inverter 1,5 HP

DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT

CU-WPU9XKH-8

CU-WPU12XKH-8

CU-WPU18XKH-8
CU-WPU24XKH-8

TREO TƯỜNG

MỘT CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN VỚI nanoe™ X

CS-XPU9XKH-8 | CS-XPU12XKH-8 | CS-XPU18XKH-8

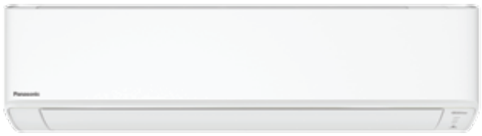

CS-XPU18XKH-8B | CS-XPU24XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

Bộ điều hợp mạng
CZ-TACG1
(Tùy chọn)

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

Bộ điều hợp mạng
CZ-TACG1
(Tùy chọn)

nanoeX (Bộ phát nanoe X Mark 1) | nanoe-G | BIG FLAP (CS-XPU9/12/18XKH-8) | AEROWINGS (CS-XPU18XKH-8B, CS-XPU24XKH-8) | POWERFUL | INVERTER | ECO+A.I.

MODEL	DÀN LẠNH / DÀN NÓNG		(50Hz)	CS-XPU9XKH-8 / CU-XPU9XKH-8	CS-XPU12XKH-8 / CU-XPU12XKH-8	CS-XPU18XKH-8 / CU-XPU18XKH-8	CS-XPU18XKH-8B / CU-XPU18XKH-8B	CS-XPU24XKH-8 / CU-XPU24XKH-8
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất – lớn nhất)		kW	2.65 (0.84-2.90)	3.50 (1.02-4.00)	5.00 (1.10-5.40)	5.15 (1.10-5.80)	6.10 (1.12-7.18)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)		Btu/h	9,040 (2,860-9,890)	11,900 (3,480-13,600)	17,100 (3,750-18,400)	17,600 (3,750-19,800)	20,800 (3,820-24,500)
EER	(nhỏ nhất – lớn nhất)		Btu/hW	11.30 (12.71-10.99)	11.12 (12.65-11.06)	10.30 (12.93-10.22)	11.35 (12.93-11.25)	12.61 (15.28-11.95)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)		W/W	3.31 (3.73-3.22)	3.27 (3.71-3.25)	3.01 (3.79-3.00)	3.32 (3.79-3.30)	3.70 (4.48-3.50)
CSPF			W/W	4.81	5.07	5.09	5.96	6.24
Thông số điện	Điện áp		V	220	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện		A	3.9	5.0	7.7	7.1	7.7
	Công suất điện (nhỏ nhất – lớn nhất)		W	800 (225-900)	1,070 (275-1,230)	1,660 (290-1,800)	1,550 (290-1,760)	1,650 (250-2,050)
Khử ẩm			L/h	1.6	2.0	2.8	2.9	3.4
			Pt/h	3.4	4.2	5.9	6.1	7.2
Lưu lượng gió	Dàn lạnh		m^3/min (ft^3/min)	10.3 (365)	11.0 (390)	12.6 (445)	18.7 (660)	19.2 (680)
	Dàn nóng		m^3/min (ft^3/min)	26.7 (940)	30.2 (1,065)	39.3 (1,390)	39.3 (1,385)	34.9 (1,230)
Độ ồn	Dàn lạnh (C/T/TB)		dB (A)	36/26/21	37/28/21	44/34/28	44/32/28	45/34/29
	Dàn nóng (C)		dB (A)	47	48	51	50	51
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Cao		mm	290 (511)	290 (542)	290 (619)	295 (619)	295 (619)
			inch	11-7/16 (20-1/8)	11-7/16 (21-11/32)	11-7/16 (24-3/8)	11-5/8 (24-3/8)	11-5/8 (24-3/8)
	Rộng		mm	779 (650)	779 (780)	779 (824)	1,040 (824)	1,040 (824)
			inch	30-11/16 (25-19/32)	30-11/16 (30-23/32)	30-11/16 (32-15/32)	40-31/32 (32-15/32)	40-31/32 (32-15/32)
	Sâu		mm	209 (230)	209 (289)	209 (299)	244 (299)	244 (299)
			inch	8-1/4 (9-1/16)	8-1/4 (11-13/32)	8-1/4 (11-25/32)	9-5/8 (11-25/32)	9-5/8 (11-25/32)
Khối lượng	Dàn lạnh		kg (lb)	8 (18)	8 (18)	9 (20)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng		kg (lb)	18(40)	23(51)	29(64)	29 (64)	32 (71)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng		mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
			inch	1/4	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi		mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70	ø 12.70
			inch	3/8	3/8	1/2	1/2	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn		m	7.5	7.5	10.0	10.0	10.0
	Chiều dài tối đa		m	20	20	30	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa		m	15	15	20	20	20
	Gas nạp bổ sung*		g/m	10	10	15	15	15
Nguồn cấp điện				Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài đường ống không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị

ĐẶC ĐIỂM

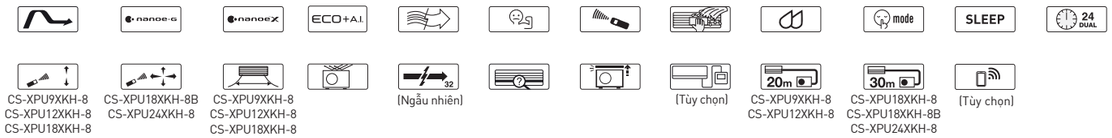

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị Màn hình tinh thể lỏng (LCD) cỡ lớn, giúp người dùng có thể sử dụng dễ dàng hơn. Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng việc thao tác dễ dàng và sự thoải mái lâu dài từ Điều hòa Panasonic.

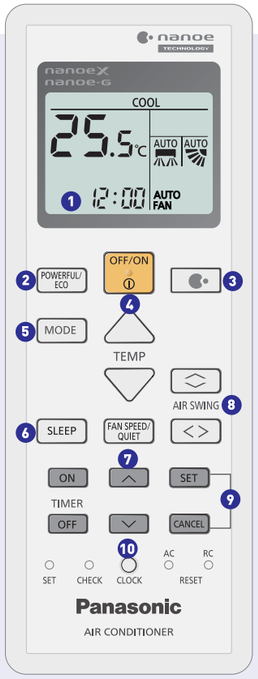

Điều khiển không dây
Áp dụng cho
CS-XPU18XKH-8B,
CS-XPU24XKH-8

1. Màn hình LCD dễ dàng hiển thị tình trạng hoạt động chung của máy.
2. Chuyển đổi giữa chế độ POWERFUL và ECO tích hợp A.I. Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh nhanh đồng thời tiết kiệm năng lượng với chế độ ECO tích hợp A.I.
3. Bật chức năng công nghệ nanoe™ X để kích hoạt nanoe™ X và nanoe-G giúp khử mùi và lọc sạch không khí ngay cả khi điều hòa đã tắt.
4. Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
5. Chuyển đổi giữa chế độ AUTO, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM
6. Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
7. Điều chỉnh chế độ TỐC ĐỘ QUẠT hoặc chức năng SIÊU ÊM cho giấc ngủ đêm thoải mái.
8. Cài đặt hướng thổi gió.
9. Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
10. Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).

Làm lạnh với cường độ cao khi khởi động

Chế độ POWERFUL làm mát căn phòng của bạn nhanh hơn 18%* khi khởi động để mang lại cho bạn sự thoải mái mát mẻ ngay lập tức trong một ngày nóng bức.

Ấn POWERFUL/ ECO một lần để BẬT chế độ POWERFUL.

* So sánh Chế độ làm lạnh POWERFUL và chế độ làm lạnh thông thường trên dòng Inverter 1,5 HP

DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT

CU-XPU9XKH-8

CU-XPU12XKH-8

CU-XPU18XKH-8
CU-XPU18XKH-8B
CU-XPU24XKH-8

TREO TƯỜNG | MỘT CHIỀU TIÊU CHUẨN

CS-N9WKH-8 | CS-N12WKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

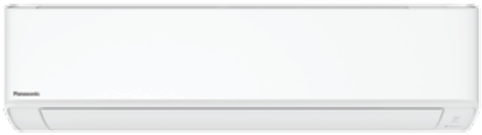

CS-N18XKH-8 | CS-N24XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

nanoe-G | BIG FLAP (CS-N9/12WKH-8) | AEROWINGS (CS-N18/24XKH-8) | POWERFUL

MODEL	DÀN LẠNH / DÀN NÓNG (50Hz)		CS-N9WKH-8 / CU-N9WKH-8	CS-N12WKH-8 / CU-N12WKH-8	CS-N18XKH-8 / CU-N18XKH-8	CS-N24XKH-8 / CU-N24XKH-8
Công suất làm lạnh		kW	2.65	3.52	5.28	6.60
		Btu/h	9,040	12,000	18,000	22,500
EER		Btu/hW	11.89	12.00	11.25	10.82
		W/W	3.49	3.52	3.30	3.17
CSPF		W/W	3.44	3.48	3.50	3.37
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.6	4.8	7.4	9.6
	Công suất điện	W	760	1,000	1,600	2,080
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9	3.7
		Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.8
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m^3/min (ft^3/min)	10.5 (371)	12.0 (424)	18.5(653)	21.0 (741)
	Dàn nóng	m^3/min (ft^3/min)	27.6 (970)	29.0 (1,020)	39.3 (1,390)	39.0 (1,380)
Độ ồn	Dàn lạnh (C/T)	dB (A)	37/26	41/29	44/36	48/40
	Dàn nóng (C)	dB (A)	47	49	52	54
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Cao	mm	290 (511)	290 (542)	295 (619)	295 (619)
		inch	11-7/16 (20-1/8)	11-7/16 (21-11/32)	11-5/8 (24-3/8)	11-5/8 (24-3/8)
	Rộng	mm	779 (650)	779 (780)	1,040 (824)	1,040 (824)
		inch	30-11/16 (25-19/32)	30-11/16 (30-23/32)	40-31/32(32-15/32)	40-31/32 (32-15/32)
	Sâu	mm	209 (230)	209 (289)	244 (299)	244 (299)
		inch	8-1/4 (9-1/16)	8-1/4 (11-13/32)	9-5/8 (11-25/32)	9-5/8 (11-25/32)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	8 (18)	8 (18)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	22 (49)	27 (60)	36 (79)	42 (93)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70	ø 15.88
		inch	3/8	1/2	1/2	5/8
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	7.5	7.5
	Chiều dài tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	25
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài đường ống không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị

ĐẶC ĐIỂM

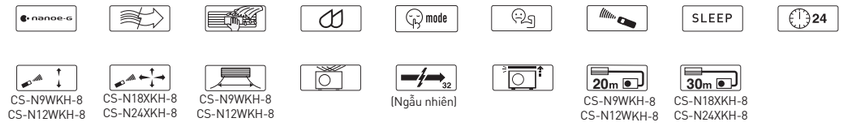

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị Màn hình tinh thể lỏng (LCD) cỡ lớn, giúp người dùng có thể sử dụng dễ dàng hơn. Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng việc thao tác dễ dàng và sự thoải mái lâu dài từ Điều hòa Panasonic.

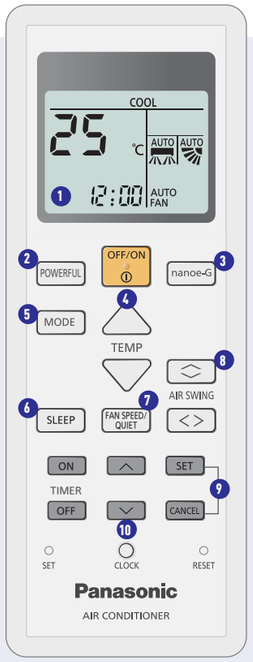

Điều khiển không dây
Ứng dụng cho
CS-N18/24XKH-8

1. Màn hình LCD dễ dàng hiển thị tình trạng hoạt động chung của máy.
2. Nhấn nút POWERFUL để làm lạnh phòng nhanh hơn.
3. Kích hoạt chức năng nanoe-G ngay cả khi điều hòa tắt.
4. Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
5. Chuyển đổi giữa chế độ AUTO, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM
6. Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
7. Điều chỉnh chế độ TỐC ĐỘ QUẠT hoặc chức năng SIÊU ÊM cho giấc ngủ đêm thoải mái.
8. Cài đặt hướng thổi gió.
9. Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
10. Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).

Làm lạnh với cường độ cao khi khởi động

Chế độ POWERFUL làm mát căn phòng của bạn nhanh hơn khi khởi động để mang lại sự thoải mái mát mẻ ngay lập tức trong một ngày nóng bức.

ẤN POWERFUL một lần để BẬT chế độ POWERFUL.

DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT

CU-N9WKH-8

CU-N12WKH-8

CU-N18XKH-8
CU-N24XKH-8

TREO TƯỜNG

HAI CHIỀU INVERTER CAO CẤP

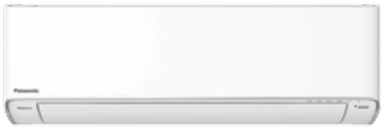

CS-XZ9XKH-8 | CS-XZ12XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

CS-XZ18XKH-8 | CS-XZ24XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

MODEL	DÀN LẠNH (50Hz)		CS-XZ9XKH-8	CS-XZ12XKH-8	CS-XZ18XKH-8	CS-XZ24XKH-8
	DÀN NÓNG		CU-XZ9XKH-8	CU-XZ12XKH-8	CU-XZ18XKH-8	CU-XZ24XKH-8
Công suất lạnh/Sưởi	(nhỏ nhất – lớn nhất)	kW	2.50 (1.00-3.70)	3.50 (1.00-4.20)	5.00 (1.10-6.70)	7.10 (1.40-8.90)
			3.20 (1.00-5.30)	3.70 (1.00-5.80)	6.00 (1.10-8.00)	8.00 (1.40-10.00)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/h	8,530 (3,410-12,600)	11,900 (3,410-14,300)	17,100 (3,750-22,800)	24,200 (4,770-30,300)
			10,900 (3,410-18,100)	12,600 (3,410-19,800)	20,500 (3,750-27,300)	27,300 (4,770-34,100)
EER/COP	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/hW	17.41(17.49-12.60)	14.69(17.49-11.92)	15.13(16.30-11.40)	10.61(11.09-9.04)
			16.77(17.49-12.48)	16.36(17.49-12.77)	15.41(17.05-11.62)	11.67(11.93-10.33)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	W/W	5.10(5.13-3.70)	4.32(5.13-3.50)	4.42(4.78-3.35)	3.11(3.26-2.66)
			4.92(5.13-3.66)	4.81(5.13-3.74)	4.51(5.00-3.40)	3.42(3.50-3.03)
CSPF		W/W	7.70	7.16	7.08	5.31
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện công tác	A	2.4	4.0	5.4	10.7
			3.1	3.8	6.3	11.0
	Công suất điện (nhỏ nhất – lớn nhất)	W	490(195-1,000)	810(195-1,200)	1,130(230-2,000)	2,280(430-3,350)
			650(195-1,450)	770(195-1,550)	1,330(220-2,350)	2,340(400-3,300)
Khử ẩm		L/h	1.5	2.0	2.8	4.1
		Pt/h	3.2	4.2	5.9	8.7
Lưu lượng gió (dàn lạnh/Cao)		m^3/min	11.6	13.0	18.7	20.8
			11.6	13.0	18.7	20.8
		ft^3/min	410	460	660	735
			410	460	660	735
Độ ồn	Dàn lạnh (C/T/TB)	dB (A)	40/25/19	42/28/19	45/35/28	47/37/30
			40/28/23	42/33/30	45/33/28	47/37/30
	Dàn nóng (C)	dB (A)	47	48	48	53
			48	50	50	53
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Cao	mm	295(542)	295(542)	295(695)	295(695)
		inch	11-5/8(21-11/32)	11-5/8(21-11/32)	11-5/8(27-3/8)	11-5/8(27-3/8)
	Rộng	mm	870(780)	870(780)	1,040(875)	1,040(875)
		inch	34-9/32(30-23/32)	34-9/32(30-23/32)	40-31/32(34-15/32)	40-31/32(34-15/32)
	Sâu	mm	229(289)	229(289)	244(320)	244(320)
		inch	9-1/32(11-13/32)	9-1/32(11-13/32)	9-5/8(12-5/8)	9-5/8(12-5/8)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	10(22)	10(22)	12(26)	14(31)
	Dàn nóng	kg (lb)	31(68)	31(68)	41(90)	50(110)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống ga	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 15.88
		inch	3/8	3/8	1/2	5/8
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	7.5	10.0
	Chiều dài tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	15	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	25
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài đường ống không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị

ĐẶC ĐIỂM

SLEEP

(Tích hợp) (Tùy chọn) (Ngẫu nhiên)

CS-XZ9XKH-8 CS-XZ12XKH-8 CS-XZ18XKH-8 CS-XZ24XKH-8

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị Màn hình tinh thể lỏng (LCD) cỡ lớn, giúp người dùng có thể sử dụng dễ dàng hơn. Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng việc thao tác dễ dàng và sự thoải mái lâu dài từ Điều hòa Panasonic.

Điều khiển không dây
Áp dụng cho
INVERTER
NHIỆT CAO CẤP

1. Màn hình LCD dễ dàng hiển thị tình trạng hoạt động chung của máy.
2. Nút nguồn.
3. Bật chức năng công nghệ nanoe™ để kích hoạt nanoe™ X và nanoe-G giúp khử mùi và lọc sạch không khí ngay cả khi điều hòa đã tắt.
4. iAUTO-X giúp làm lạnh nhanh, đồng thời chế độ Làm lạnh dễ chịu tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng và mang đến sự thoải mái liên tục. Kích hoạt lại chế độ làm lạnh nhanh khi nhiệt độ ổn định bằng cách nhấn nút iAUTO-X lần thứ hai.
5. Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
6. Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LÀM LẠNH, SƯỞI ẤM và KHỬ ẨM
7. Cài đặt hướng thổi gió.
8. Điều chỉnh chế độ TỐC ĐỘ QUẠT hoặc chức năng SIÊU ÊM cho giấc ngủ đêm thoải mái.
9. Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
10. Bật chế độ ECO + A.I. cho phép bạn tận hưởng cảm giác mát mẻ sảng khoái và tiết kiệm năng lượng.
11. Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
12. Cài đặt thời gian thực [giờ và phút].

24 DUAL
DUAL TIMER

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY

Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

1. Chọn BẬT hoặc TẮT Hẹn giờ. TIMER ON → 1 → 2 → Cancel; TIMER OFF → 1 → 2 → Cancel
2. Đặt giờ. SET

DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT

CU-XZ9XKH-8
CU-XZ12XKH-8

CU-XZ18XKH-8
CU-XZ24XKH-8

TREO TƯỜNG

HAI CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN

CS-YZ9WKH-8 | CS-YZ12WKH-8

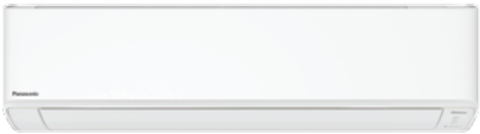

CS-YZ18XKH-8

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

Bộ điều hợp mạng
CZ-TACG1
(Tùy chọn)

Điều khiển không dây
(Tiêu chuẩn)

Điều khiển có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)

Bộ điều hợp mạng
CZ-TACG1
(Tùy chọn)

nanoe-G | BIG FLAP (CS-YZ9/12WKH-8) | AEROWINGS (CS-YZ18XKH-8) | POWERFUL | INVERTER | ECO+A.I.

MODEL	DÀN LẠNH (50Hz)		CS-YZ9WKH-8	CS-YZ12WKH-8	CS-YZ18XKH-8
	DÀN NÓNG		CU-YZ9WKH-8	CU-YZ12WKH-8	CU-YZ18XKH-8
Công suất lạnh/Sưởi	(nhỏ nhất – lớn nhất)	kW	2.65 (0.84-3.00)	3.50 (0.92-3.80)	5.20 (1.20-6.00)
			3.15 (0.84-3.50)	3.84 (0.92-4.10)	5.40 (1.20-7.70)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/h	9,040 (2,860-10,200)	11,900 (3,140-13,000)	17,700 (4,090-20,500)
			10,700 (2,860-11,900)	13,100 (3,140-14,000)	18,400 (4,090-26,300)
EER/COP	(nhỏ nhất – lớn nhất)	Btu/hW	12.91(13.00-10.20)	11.02(11.21-10.40)	12.46(17.04-11.71)
			14.08(14.30-12.02)	12.24(12.56-11.57)	13.63(18.59-12.23)
	(nhỏ nhất – lớn nhất)	W/W	3.79(3.82-3.00)	3.24(3.29-3.04)	3.66(5.00-3.43)
			4.14(4.20-3.54)	3.59(3.68-3.39)	4.00(5.45-3.58)
CSPF		W/W	6.43	5.17	6.83
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220
	Cường độ dòng điện công tác	A	3.4	5.0	6.7
			3.5	5.0	6.2
	Công suất điện (nhỏ nhất – lớn nhất)	W	700(220-1,000)	1,080(280-1,250)	1,420(240-1,750)
			760(200-990)	1,070(250-1,210)	1,350(220-2,150)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9
		Pt/h	3.4	4.2	6.1
Lưu lượng gió (dàn lạnh/Cao)		m^3/min	11.9	12.4	18.7
			11.9	12.4	18.7
		ft^3/min	420	440	660
			420	440	660
Độ ồn	Dàn lạnh (C/T/TB)	dB (A)	41/26/22	42/30/25	44/37/28
			41/28/25	42/33/30	44/37/32
	Dàn nóng (C)	dB (A)	50	50	50
			50	50	50
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Cao	mm	290(542)	295(542)	295(619)
		inch	11-7/16(21-11/32)	11-7/16(21-11/32)	11-5/8(24-3/8)
	Rộng	mm	779(780)	779(780)	1,040(824)
		inch	30-11/16(30-23/32)	30-11/16(30-23/32)	40-31/32(32-15/32)
	Sâu	mm	209(289)	209(289)	244(299)
		inch	8-1/4(11-13/32)	8-1/4(11-13/32)	9-5/8(11-25/32)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	8(18)	8(18)	12(26)
	Dàn nóng	kg (lb)	25(55)	25(55)	34(75)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4
	Ống ga	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70
		inch	3/8	3/8	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	7.5
	Chiều dài tối đa	m	15	15	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	15
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài đường ống không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐẶC ĐIỂM

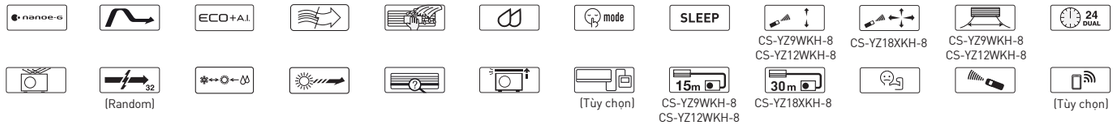

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị Màn hình tinh thể lỏng (LCD) cỡ lớn, giúp người dùng có thể sử dụng dễ dàng hơn. Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng việc thao tác dễ dàng và sự thoải mái lâu dài từ Điều hòa Panasonic.

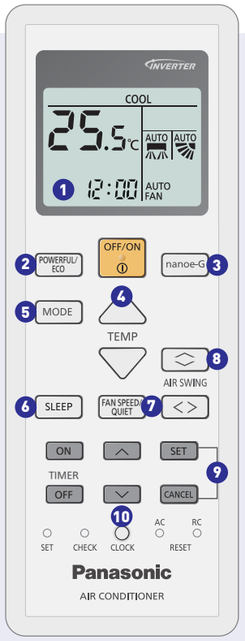

Điều khiển không dây
Áp dụng cho dòng
CS-YZ18XKH-8

1. Màn hình LCD dễ dàng hiển thị tình trạng hoạt động chung của máy.
2. Chuyển đổi giữa chế độ POWERFUL và ECO tích hợp A.I. Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh nhanh đồng thời tiết kiệm năng lượng với chế độ ECO tích hợp A.I.
3. Kích hoạt chức năng nanoe-G ngay cả khi điều hòa tắt.
4. Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
5. Chuyển đổi giữa chế độ AUTO, LÀM LẠNH, SƯỞI ẤM và KHỬ ẨM
6. Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
7. Điều chỉnh chế độ TỐC ĐỘ QUẠT hoặc chức năng SIÊU ÊM cho giấc ngủ đêm thoải mái.
8. Cài đặt hướng thổi gió.
9. Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
10. Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).

Làm lạnh với cường độ cao khi khởi động

Chế độ POWERFUL làm mát căn phòng của bạn nhanh hơn 18%* khi khởi động để mang lại cho bạn sự thoải mái mát mẻ ngay lập tức trong một ngày nóng bức.

Ấn POWERFUL/ ECO một lần để BẬT chế độ POWERFUL.

* So sánh Chế độ làm lạnh POWERFUL và chế độ làm lạnh thông thường trên dòng Inverter 1,5 HP

DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT

CU-YZ9WKH-8
CU-YZ12WKH-8

CU-YZ18XKH-8

3 yếu tố then chốt cho không gian trong lành

Nhằm mang lại môi trường thoải mái dễ chịu, Panasonic cung cấp các giải pháp chất lượng không khí bao gồm 3 yếu tố chính: Điều hòa không khí, Hệ thống thông gió và Lọc không khí để bạn tận hưởng không khí trong lành và làm phong phú thêm cuộc sống.

QUALITY AIR FOR LIFE

KHÍ SẠCH, SỐNG CHẤT

Điều hòa không khí
- Kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm

Công nghệ nanoe™ X
- Cải thiện chất lượng không khí

Thông gió
- Giảm Mức độ ô nhiễm trong nhà

Điều hòa không khí

Điều hòa không khí Panasonic mang lại không gian mát lạnh thoải mái với thiết kế phù hợp với mọi không gian thiết kế nội thất.

Điều hòa treo tường

Luồng gió mát lạnh đi từ trên cao xuống để làm mát nhẹ nhàng và đồng đều

Âm trần cassette 4 hướng thổi

Luồng gió dễ chịu và rộng 360°

Công nghệ nanoe™ X

Khử mùi và ức chế hiệu quả vi khuẩn, vi rút và các chất ô nhiễm trong không khí và trên các bề mặt (bám dính) cho một môi trường sạch sẽ và an toàn.

Điều hòa treo tường

Thanh lọc không gian sống bằng cách ức chế các tác nhân gây ô nhiễm để bảo vệ bạn và gia đình.

Máy lọc không khí tạo ẩm

Không khí an toàn với bộ lọc đa hợp HEPA giúp loại bỏ 99,97% các hạt 0,3pm.

air-e

Khử mùi hôi khó chịu bám trên vải trong khi chỉ chiếm một diện tích nhỏ.

Bộ phát nanoe™ X di động

Thiết kế gọn nhẹ lý tưởng cho mọikhông gian.

Thông gió

Duy trì luồng không khí lưu thông khi thông gió trong nhà bằng cách giảm thiểu CO2 và VOC (các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi) để giữ cho không gian luôn trong lành.

ERV

Đưa không khí trong lành từ ngoài vào xua tan khí nóng

Quạt cấp gió

Đảm bảo chỉ không khí trong lành, sạch sẽ vào phòng và loại bỏ các hạt

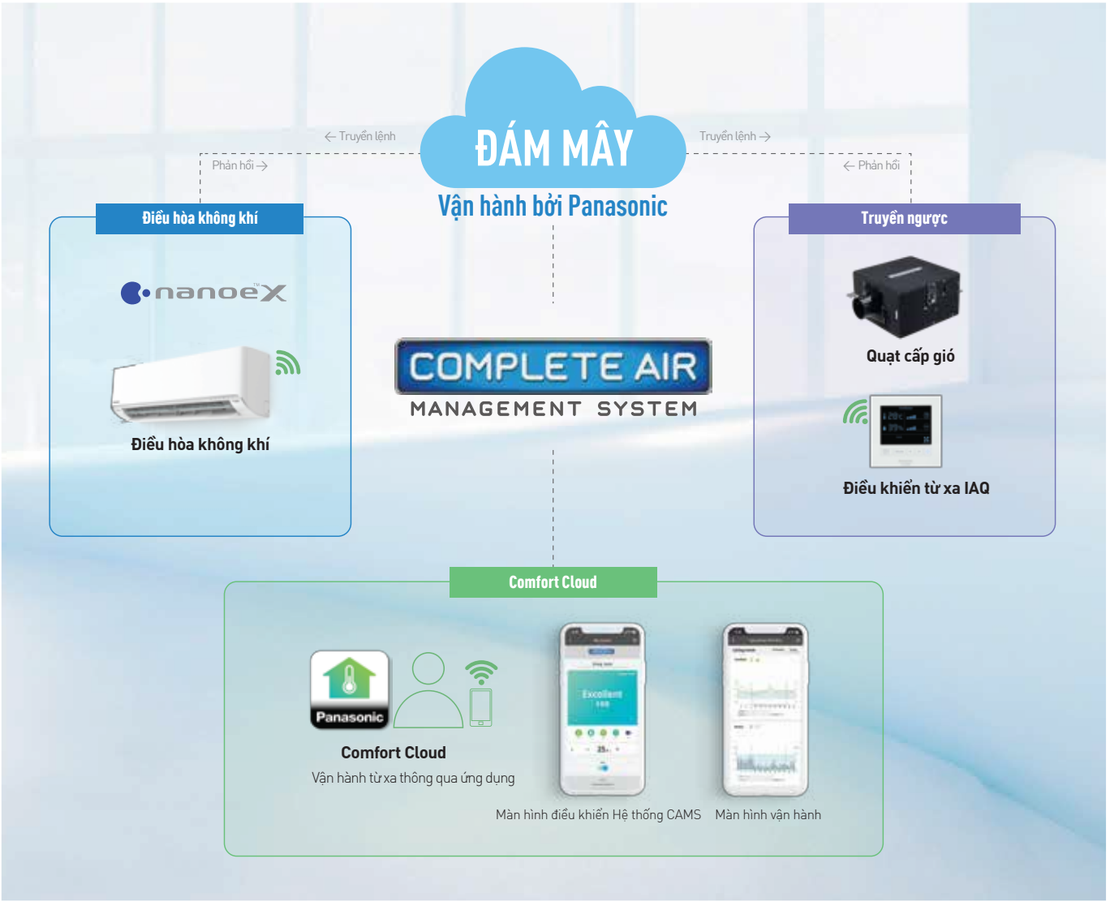

COMPLETE AIR
MANAGEMENT SYSTEM

Hệ thống quản lý chất lượng không khí toàn diện

Sử dụng cảm biến Chất lượng không khí trong nhà (IAQ) để liên tục theo dõi chất lượng không khí trong khi điều chỉnh lưu lượng làm mát và thông gió, Hệ thống quản lý chất lượng không khí toàn diện của Panasonic đảm bảo không khí trong lành được tối ưu hóa ở nhiệt độ và độ ẩm dễ chịu.

Hệ thống này giảm thiểu thời gian cần thiết để lọc sạch không khí bị ô nhiễm và mang đến bầu không khí trong lành cho không gian sống của bạn trong khi sử dụng ít năng lượng hơn. Với Hệ thống quản lý chất lượng không khí toàn diện*, chúng tôi thực hiện cam kết về tương lai*.

Kết hợp vận hành điều hòa không khí + quạt cấp gió + điều khiển từ xa IAQ

*Tình trạng có hàng của sản phẩm có thể khác nhau tùy thuộc vào quốc gia.

Chức năng của Hệ thống quản lý chất lượng không khí toàn diện

Đánh giá chất lượng không khí một cách trực quan

- Cảm biến và đánh giá chất lượng không khí ở 4 cấp độ.
- Chất lượng không khí vẫn được theo dõi khi hệ thống tắt, do đó bạn có thể kiểm tra chất lượng không khí trong nhà thông qua ứng dụng mọi lúc, mọi nơi.
- Cập nhật trạng thái 5 phút một lần, cho phép bạn kiểm tra các điều kiện hiện tại một cách thuận tiện.

Thông tin cảm biến	Giá trị
Nhiệt độ	-9 — 50ºC
Độ ẩm	20 — 95%
PM 2.5	0 — 2,000 µ g/m³
CO_2	400 — 3,000ppm

Đánh giá	Điểm	Màu	Đánh giá chung
Rất tốt	25 điểm	Xanh	Tất cả trạng thái ở mức rất tốt (100 điểm)
Tốt	20 điểm	Xanh lá	Tổng 4 yếu tố 71-99 điểm
Trung bình	15 điểm	Cam	Tổng 4 yếu tố 56-70 điểm
Kém	10 điểm	Đỏ	Tổng 4 yếu tố dưới 55 điểm

Cảm biến thông minh

- Đo chất lượng không khí liên tục với cảm biến IAQ, tự động kiểm soát quá trình làm lạnh và luồng gió.

Lợi ích của Hệ thống quản lý chất lượng không khí toàn diện

Hệ thống quản lý chất lượng không khí toàn diện giúp bạn giám sát chất lượng không khí bằng cách làm mát, thông gió và lọc sạch không gian sống một cách thuận tiện cho buổi sáng tuyệt vời và buổi đêm ngon giấc hơn.

7:00-8:30 *(Thức giấc)*

19:00-7:00 *(Khi đang ngủ)*

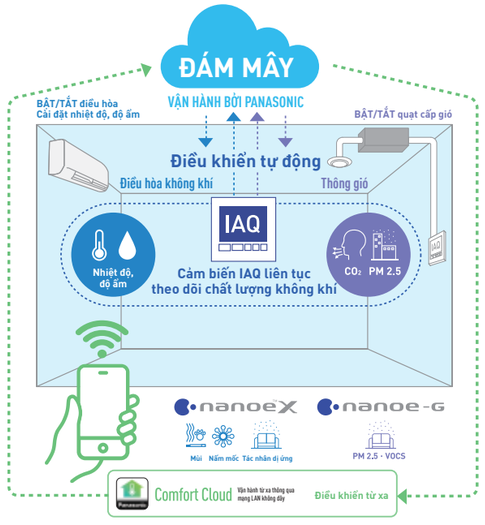

9:00-15:30 *(Khi mọi người vắng nhà)*

16:00-18:30 *(Khi mọi người vắng nhà)*

*Hình minh họa về màn hình ứng dụng có thể khác với màn hình thực tế.

Thế giới nanoe™

Mở rộng thế giới nanoe™ tại Nhật Bản - 24/7, mọi lúc, mọi nơi.

Được ứng dụng trong nhiều ngành công nghiệp như tàu hỏa, ô tô, khách sạn và bệnh viện

Phương tiện công cộng

Tuyến tàu 7 sao ở Kyushu

Tuyến đường sắt Keihan

Hãng tàu KEIO

Hãng tàu JR East

Văn phòng

● Điều hòa âm trần 4 hướng thổi

● Thang máy

Hitachi

Nhà

● Máy lọc không khí tạo ẩm

● Máy tạo độ ẩm

● Máy sấy quần áo

● Quạt

● Máy điều hòa

Xe hơi

Toyota Lexus

Ứng dụng cho 40 dòng xe

Suzuki

Mazda

Subaru

Không gian công cộng

● Bộ phát nanoe™ loại gắn trần

Khách sạn

Khách sạn Hiroshima Washington

Khách sạn Parkside

Cửa hàng cafe

Cửa hàng cafe Doll

Bệnh viện

Bệnh viện Sakana Machi

Trường mẫu giáo

Trường mầm non Ayumi

Viện dưỡng lão

Viện dưỡng lão Samukawa

Panasonic cam kết cải thiện chất lượng không khí với công nghệ nanoe™.

Sự phát triển của công nghệ nanoe™

Công nghệ nanoe™ ban đầu được phát triển với mục đích sử dụng đặc tính tự nhiên của nước để hòa tan các chất gây mùi. Qua các cải tiến không ngừng trong những năm qua, hiện nay công nghệ nanoeTM có khả năng tạo ra gốc OH nhiều gấp 20 lần giúp nâng cao hiệu quả lọc sạch không khí.

	nanoe™	nanoeX		nanoe-G
Bộ phát	2013	Thế hệ 1	Thế hệ 2	
	480 tỷ gốc OH/giây	4.800 tỷ gốc OH/giây	9.600 tỷ gốc OH/giây	3.000 tỷ ion âm/giây
Cấu trúc hạt ion	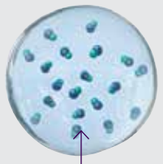 Gốc OH	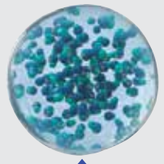 10x lần so với nanoe™	2x lần 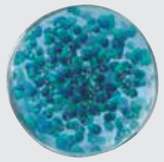	O_2^-

Hiệu quả của Bộ phát nanoe X thế hệ 2 so với Bộ phát nanoe X thế hệ 1

Thử nghiệm ức chế phấn hoa*

Thời gian cần thiết để ức chế 99% phấn hoa

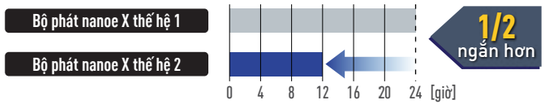

[Đơn vị thử nghiệm] Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic [Phương pháp thử nghiệm] Được xác minh bằng phương pháp điện di trong phòng thử nghiệm có kích thước khoảng 23m³ [Phương pháp khử mùi] giải phóng nanoe™ [Chất thử nghiệm] Phấn hoa tuyết tùng [Kết quả thử nghiệm] Bị ức chế 99% trong 12 giờ (L19A009)

Thử nghiệm khử mùi*

Thời gian cần thiết để giảm mức độ mùi cơ thể người lớn tuổi xuống 1,7 cấp độ

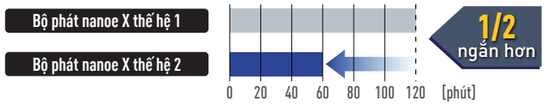

[Tổ chức thử nghiệm] Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic [Phương pháp thử nghiệm] Được xác minh bằng phương pháp thang đo cường độ mùi 6 cấp trong phòng thử nghiệm có kích thước khoảng 23m³ [Phương pháp khử mùi] giải phóng nanoe™ [Chất thử nghiệm] Mùi cơ thể trên bề mặt [Kết quả thử nghiệm] Cường độ mùi giảm 1,7 cấp độ trong 1 giờ (Y18HM059)

*Tuổi thọ của các gốc OH có trong nước là khoảng 10 phút, trong thời gian này chúng có khả năng hoạt động ức chế các chất ô nhiễm. Có thể cần nhiều thời gian hơn để ức chế các chất ô nhiễm một cách hiệu quả, hãy xem các thử nghiệm về hiệu quả của nanoe™ X đối với các chất ô nhiễm trong không khí và bám dính.

nanoeX

nanoe X Generator Mark 2

AERO INVERTER CAO CẤP | INVERTER CAO CẤP | INVERTER HAI CHIỀU CAO CẤP

nanoeX

Bộ phát nanoe X thế hệ 1

INVERTER SANG TRỌNG | INVERTER TIÊU CHUẨN với nanoe™ X

nanoeX

Khử các loại mùi hôi thường gặp

Khử mùi hiệu quả với các tác nhân gây mùi như khói thuốc lá và rác thải.

Tác động lên các chất gây mùi và khử mùi

Các hạt nanoe™ X có kích thước nhỏ hơn so với hơi nước, dễ dàng xâm nhập sâu vào từng sợi vải cho phép khử mùi với hiệu quả cao.

3 bước khử mùi

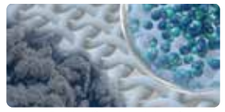

nanoe™ X tiếp cận phân tử gây mùi trên sợi vải.

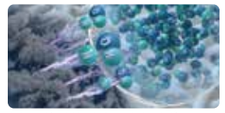

Các gốc OH phá vỡ liên kết trong các phân tử gây mùi.

Khử mùi.

Mùi thuốc lá

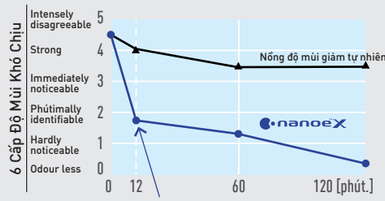

nanoe™ X giảm nồng độ mùi xuống 2,4 cấp sau 12 phút.

Mùi vật nuôi

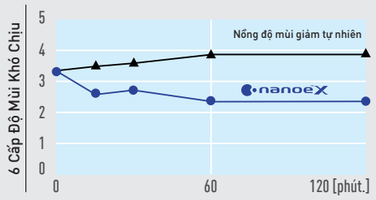

nanoe™ X giảm nồng độ mùi vật nuôi xuống 1,5 cấp sau 1 giờ

Mùi sầu riêng

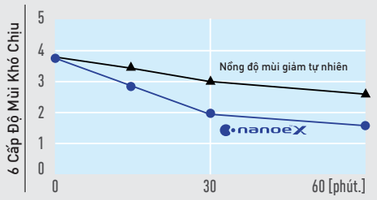

nanoe™ X giảm nồng độ mùi nhanh hơn nhiều so với giảm mùi tự nhiên.

Mùi đồ nướng

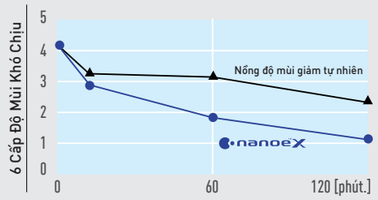

nanoe™ X giảm mùi thức ăn nướng nhanh hơn so với giảm mùi tự nhiên.

Mùi mồ hôi

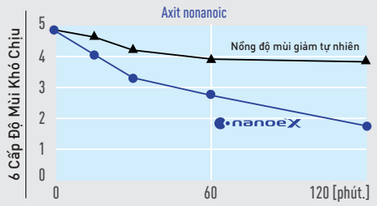

nanoe™ X giảm mùi mồ hôi nhanh sau 1 giờ.

Mùi da đầu

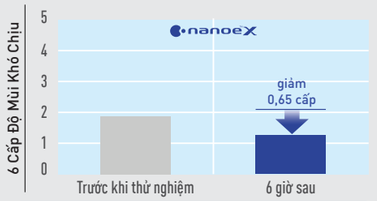

nanoe™ X giảm mùi da đầu nhanh sau 6 giờ.

Mùi rác thải

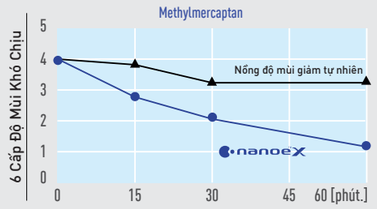

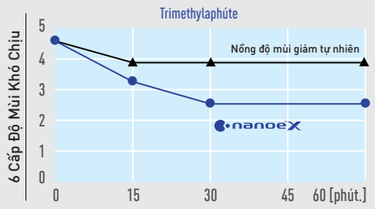

nanoe™ X giảm nồng độ mùi rác thải nhanh trong 0,5 giờ.

Mùi ẩm mốc

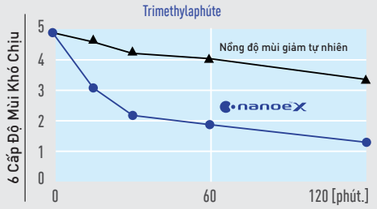

nanoe™ X giảm nồng độ mùi ẩm mốc xuống đáng kể trong 1 giờ.

[Thử nghiệm]

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

	Mùi	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Mùi bám dính	**Mùi thuốc lá**	Nồng độ mùi giảm 2.4 cấp	Khoảng 23m³	0.2	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160615-N04
	Mùi vật nuôi	Nồng độ mùi giảm 1.5 cấp	Khoảng 23m³	1	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160315-A34
	Mùi sầu riêng	Nồng độ mùi giảm 1.0 cấp	Khoảng 23m³	0.5	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	1V332-180402-K01
	Mùi đồ nướng	Nồng độ mùi giảm 1.2 cấp	Khoảng 23m³	2	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-151221-N01
	Mùi mồ hôi (Axit nonanoic)	Nồng độ mùi giảm 1.1 cấp	Khoảng 23m³	1	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y16HM016
	Mùi mồ hôi (Axit nonanoic)	Nồng độ mùi giảm 2.6 cấp	Khoảng 23m³	1	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160315-A35
	Mùi da đầu (Vò gối)	Nồng độ mùi giảm 0.65 cấp	Khoảng 23m³	6	[Giám sát] Trung tâm nghiên cứu mùi hương, phòng Thông tin tổng hợp, khoa Thông tin, Đại học Daido	
	Mùi rác thải (Methylmercaptan)	Nồng độ mùi giảm 1.2 cấp	Khoảng 23m³	0.5	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	1V332-18220-K11
	Mùi rác thải (Trimethylamine)	Nồng độ mùi giảm 1.4 cấp	Khoảng 23m³	0.5	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	1V332-180220-K12
	Mùi ẩm mốc (Triethylamine)	Nồng độ mùi giảm 1.7 cấp	Khoảng 23m³	0.5	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y16RA002

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc phát triển của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi thay đổi tùy theo môi trường xung quanh (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian hoạt động, mùi và loại vải.

nanoeX

Ức chế hoạt động của vi khuẩn và vi rút bám dính và trong không khí

nanoe™ X có khả năng ức chế hoạt động của vi khuẩn và vi rút bám dính trên đồ vật và trong không khí.

3 bước vô hiệu hóa vi khuẩn và vi rút

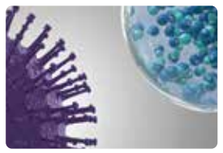

nanoe™ X tiếp cận vi rút.

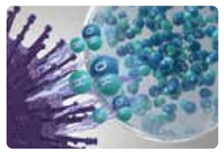

Các gốc OH chuyển hóa protein trong vi rút.

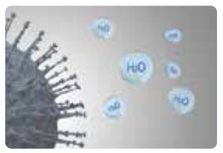

Vô hiệu hóa hoạt động của vi rút.

Vi khuẩn bám dính

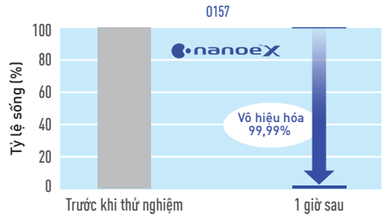

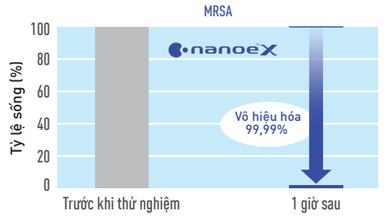

Vi rút bám dính

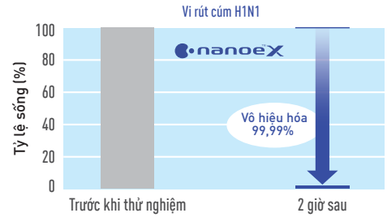

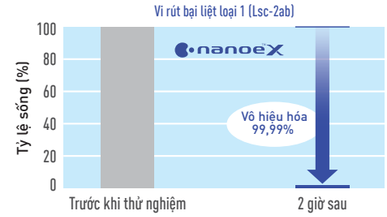

[Thử nghiệm]

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

	Vi khuẩn và vi rút	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Trong không khí	**Vi rút Bacteriophage ΦX174**	Vô hiệu 99,7%	Khoảng 25m³	6	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	24_0300_1
	Vi khuẩn Staphylococcus aureus	Vô hiệu 99,9%	Khoảng 25m³	4	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	2016_0279
Bám dính	**Vi rút Bacteriophage ΦX174**	Vô hiệu 99,8%	Khoảng 25m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	13001265005-01
	Vi khuẩn Staphylococcus aureus	Vô hiệu 99,1%	Khoảng 25m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	13044083003-01
Vi rút Corona bám dính mới	**SARS-CoV-2**	Vô hiệu 99,9%	45L	2	Tổ chức Texcell (Pháp)	1140-01 A1
	SARS-CoV-2	Vô hiệu 91,4%	6.7m³	8	Tổ chức Texcell (Pháp)	1140-01 C3
	SARS-CoV-2	Vô hiệu 99,7%	6.7m³	24	Tổ chức Texcell (Pháp)	1140-01 C3
Vi rút bám dính	**Vi rút cúm (loại H1N1)**	Vô hiệu 99,9%	1m³	2	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	21_0084_1
	Feline calicivirus (Một dạng của norovirus)	Vô hiệu 99,9%	25L	2	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	207031493-001
	Coxackievirus (B6)	Vô hiệu 99,1%	45L	2	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	22_0085
	Vi rút bại liệt loại 1 (Lsc-2ab)	Vô hiệu 99,7%	45L	2	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	22_0096
Vi khuẩn bám dính	**Bacterium enterohemorrhagic escherichia coli (O157)**	Vô hiệu 99,99%	45L	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	208120880-001
	Methicillin-resistant staphylococcus aureus (MRSA)	Vô hiệu 99,99%	45L	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	208120880-002
	Staphylococcus aureus	Vô hiệu 99,99%	1m³	24	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	20_0154_2
	Bacillus	Vô hiệu 99,6%	45L	0.5	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11000924001-01
	Micrococcus	Vô hiệu 99,99%	45L	2	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11000924001-02
	Serratia	Vô hiệu 99,99%	45L	2	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11000924001-03
	Kocuria	Vô hiệu 99,99%	45L	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11000922001-01

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc phát triển của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng.

nanoeX

Ức chế hoạt động của nấm mốc bám dính và có trong không khí

nanoe™ X loại bỏ các loại nấm mốc trong không khí cũng như kìm hãm sự phát triển của nấm mốc bám dính

3 bước vô hiệu hóa sự phát triển của nấm mốc

nanoe™ tiếp cận nấm mốc.

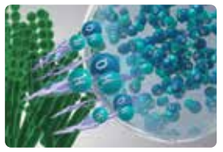

Các gốc OH phá hủy protein trong nấm mốc.

Vô hiệu hóa hoạt động của nấm mốc.

Nấm mốc trong không khí

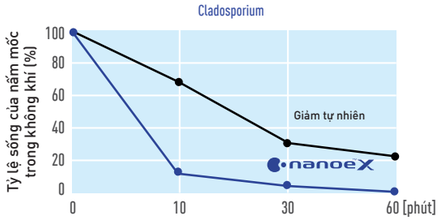

Nấm mốc bám dính

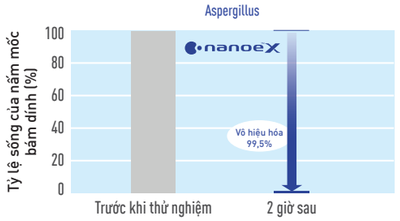

[Thử nghiệm]

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

	Nấm mốc	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Report No.
Nấm mốc trong không khí	Cladosporium	Vô hiệu 99%	Khoảng 23m³	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	205061541-001
Nấm mốc bám dính	Alternaria	Vô hiệu	Khoảng 23m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	18077411001-0201
	Aspergillus	Vô hiệu	Khoảng 23m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-0801
	Cladosporium	Vô hiệu	Khoảng 23m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-0901
	Eurotium	Vô hiệu	Khoảng 23m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1001
	Fusarium	Vô hiệu	Khoảng 23m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1101
	Mucor	Vô hiệu	Khoảng 23m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1201
	Penicillium	Vô hiệu	Khoảng 23m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1301
	Stachybotrys	Vô hiệu	Khoảng 23m³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1401
	Aspergillus	Vô hiệu 99.5%	45L	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11038081001-02
	Penicillium	Vô hiệu 99.5%	45L	4	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11028760001-01
	Fusarium	Vô hiệu 99.9%	45L	4	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11018692001-02
	Eurotium	Vô hiệu 99.9%	45L	8	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	22_0455
	Mucor	Vô hiệu 99.9%	45L	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11038080001-01
	Stachybotrys	Vô hiệu 99.9%	45L	8	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	22_0455
	Alternaria	Vô hiệu 99.9%	45L	16	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11038082001-01

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc phát triển của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng.

nanoeX

Vô hiệu hóa các chất gây dị ứng từ vật nuôi và một số chất gây dị ứng khác

Ngoài các chất gây dị ứng từ vẩy da chó, mèo, ấu trùng và bào tử nấm trong không khí, nanoe™ có khả năng vô hiệu hóa các chất gây dị ứng phổ biến khác.

3 bước vô hiệu hóa các chất gây dị ứng

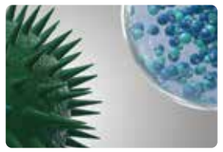

nanoe™ X tiếp cận chất gây dị ứng.

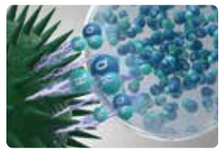

Các gốc OH phá hủy protein của chất gây dị ứng.

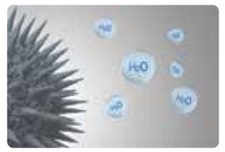

Vô hiệu hóa các chất gây dị ứng.

[Thử nghiệm]

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

	Tác nhân gây dị ứng	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Mạt bụi	Dermatophagoides pteronyssinus	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160615-F01
	Dermatophagoides farinae	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-170301-F15
Nấm mốc	Alternaria (Sooty moulds)	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160615-F02
	Aspergillus (Aspergillus genus)	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	
	Candida	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	
	Malassezia	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	
Côn trùng	Gián	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160615-F03
	Sâu bướm	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		
Động vật	Chó (vẩy da)	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160620-F01
	Mèo (vẩy da)	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc phát triển của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng.

nanoeX

Ức chế phấn hoa suốt năm

nanoe™ X ức chế nhiều loại phấn hoa và đã được thử nghiệm hiệu quả trên 13 loại dưới đây, bao gồm các loại ở Châu Âu và Bắc Mỹ.

3 bước vô hiệu hóa phấn hoa

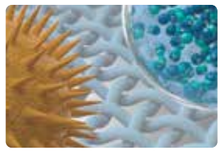

nanoe™ X tiếp cận phấn hoa.

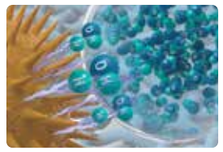

Các gốc OH phá hủy protein trong phấn hoa.

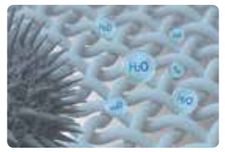

Vô hiệu hóa phấn hoa.

[Thử nghiệm]

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

Các chất dị ứng từ phấn hoa	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Tuyết tùng	Vô hiệu 97%	Khoảng 23m³	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-151001-F01
Cây bách	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-151028-F01
Cỏ nón	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		
Cỏ phấn hương	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		
Alnus japonica	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160601-F01
Bạch dương Nhật Bản	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		
Cây ngải	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		
Ô-liu	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160601-F02
Cây bách xù	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		
Phi lao	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		
Miscanthus	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24		
Cỏ Timothy	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160701-F01
Cây sàn sạt	Vô hiệu	Khoảng 23m³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	1V332-180301-F01

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc phát triển của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng.

Vô hiệu hóa các chất độc hại có trong các hạt bụi mịn PM2.5

Có khả năng phân hủy axit carboxylic thơm (axit benzoic) và paraffin (hexadecane), các chất có hại.

3 bước vô hiệu hóa các chất độc hại

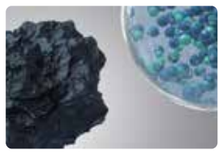

nanoe™ tiếp cận các chất độc hại.

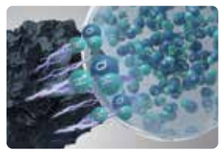

Các gốc OH phá hủy protein trong các chất độc hại.

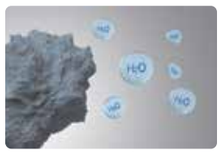

Vô hiệu hóa các chất độc hại.

Axit carboxylic thơm

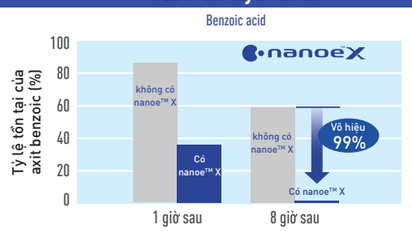

Paraffin

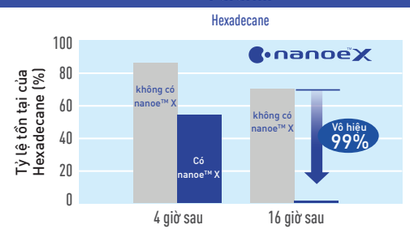

[Thử nghiệm]

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

	Các chất độc hại	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Các chất gây ô nhiễm	**Paraffin (Hexadecane)**	Vô hiệu 99%	Khoảng 23m³	16	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y17NF089
	Aromatic carboxylic acid (Benzoic acid)	Vô hiệu 99%	Khoảng 23m³	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y17NF096
Chất gây ung thư	**Benz [a] anthracena (BaA)**	Vô hiệu 78%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF141
	Benzo [b] fluoranthene (BbF)	Vô hiệu 79%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF142
	Benzo [a] pyrene (BaP)	Vô hiệu 97%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF143
	Indeno [1,2,3-cd] pyrene (IcP)	Vô hiệu 97%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF144
	Dibenzo [a,h] anthracene (Dha)	Vô hiệu 81%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF145

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc phát triển của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng.

Giữ ẩm da, mang lại mái tóc thẳng mượt

nanoe™ X kết hợp với lớp bã nhờn tự nhiên mang lại làn da mịn màng, căng bóng. Hơn nữa nanoe™ X còn giúp giữ ẩm tóc, góp phần làm cho tóc mềm, bóng mượt hơn.

nanoe™ X cải thiện độ ẩm cho làn da tương đương tăng 20% độ ẩm trong môi trường tự nhiên.

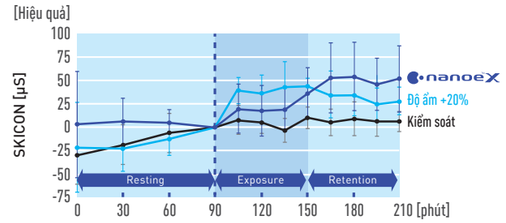

[Thử nghiệm]

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

Da và tóc	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Da	**Hiệu quả**	Khoảng 34m³	1	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	USG-KT-14K-012-TM
	Hiệu quả	Hộ gia đình tiêu chuẩn	28 ngày	FCG Research Institute, Inc.	19104
Tóc	**Hiệu quả**	Khoảng 46m³	8 giờ × 15 ngày	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	USD-KS-15S-009-TM

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc phát triển của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng.

Báo cáo thử nghiệm của nanoe™ X

Tác dụng của nanoe™ X được chứng minh qua các thử nghiệm được tiến hành tại phòng thí nghiệm. Kết quả này cũng đã được xác minh bởi các cơ quan có liên quan.

Trung tâm phân tích Anugrah, Indonesia

Trường đại học bách khoa Temasek, Singapore

Malaysia SIRIM Berhad

Viện Pasteur Việt Nam

Đại học Công nghệ King Mongkut, Thonburi, Thái Lan

Vệ sinh dàn lạnh

Chức năng vệ sinh dàn lạnh hoạt động như thế nào

1 Tắt điều hòa

Đầu tiên cần tắt máy điều hòa.

Lưu ý:
Cần bật nguồn điện chính trong toàn bộ thời gian.

2 nanoe™ X chạy trong chế độ Vận hành quạt

Vận hành quạt: BẬT
Cánh đảo gió: mở nhẹ
Đèn LED Công nghệ Nanoe™: BẬT

Thiết bị nanoe™ X tác động điện áp cao vào hơi ẩm thu được trong không khí để tạo ra các hạt nước có chứa các gốc OH.

Dàn lạnh sẽ tự động chạy chế độ Vận hành quạt trong 2,5 giờ khi vệ sinh dàn lạnh. Cánh đảo gió sẽ mở nhẹ, cho phép luồng gió lưu thông các gốc OH và thực hiện làm sạch bên trong máy điều hòa không khí.

3 Ức chế hiệu quả với các gốc OH từ chế độ vệ sinh dàn lạnh của công nghệ nanoe™ X*

nanoe™ X ức chế vi khuẩn và vi rút theo luồng gió thổi trong vòng 2,5 giờ khi làm sạch bên trong dàn lạnh.

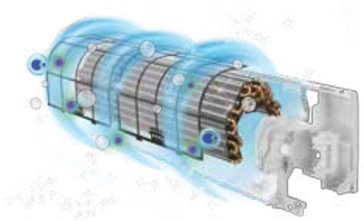

Đối tượng thử nghiệm	Bộ phận ảnh hưởng	Kết quả	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Vi khuẩn Escherichia coli NBRC3301	Bộ lọc	Vô hiệu 99% [so với khi không vận hành]	42.8m³	2.5	Protectea,Ltd	PR190803
	Cánh trao đổi nhiệt	Vô hiệu 99% [so với khi không vận hành]	42.8m³	2.5	Protectea,Ltd	PR190803
	Đầu thổi gió	Vô hiệu 99% [so với khi không vận hành]	42.8m³	2.5	Protectea,Ltd	PR191102
Vi rút Escherichia coli Phage QB NBRC20012	Bộ lọc	Vô hiệu 99% [so với khi không vận hành]	42.8m³	2.5	Protectea,Ltd	PR190803
	Cánh trao đổi nhiệt	Vô hiệu 99% [so với khi không vận hành]	42.8m³	2.5	Protectea,Ltd	PR190803
	Đầu thổi gió	Vô hiệu 99% [so với khi không vận hành]	42.8m³	2.5	Protectea,Ltd	PR191102

* Áp dụng cho dòng AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER CAO CẤP, INVERTER TIÊU CHUẨN với nanoe™ X và INVERTER HAI CHIỀU CAO CẤP.

PM2.5 là gì?

PM là viết tắt của "Particulate matter" (Chất dạng hạt), bao gồm vô số các thành phần trong đó có các hạt rắn và hạt lỏng cực nhỏ. Có kích thước nhỏ hơn 2,5 micromet (PM2.5), những hạt này được cho là nguyên nhân gây ra các vấn đề sức khỏe vì chúng có thể dễ dàng xâm nhập vào phổi của chúng ta

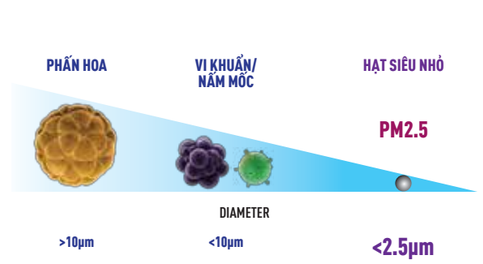

SO SÁNH KÍCH THƯỚC HẠT

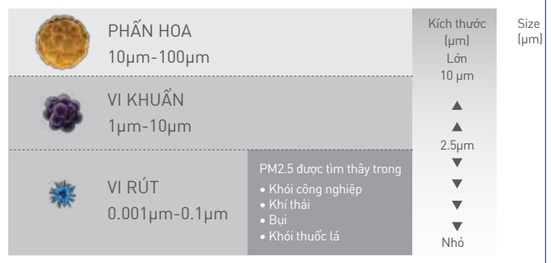

Nguồn gốc PM2.5

PM2.5 bay lơ lửng trong không khí, bao gồm bụi bẩn, khói và các hạt cực nhỏ. Những hạt cực nhỏ này đến từ các hoạt động của con người như đốt cháy nhiên liệu, đốt cháy ngoài trời và các quá trình công nghiệp cũng như các quá trình tự nhiên, bao gồm hơi nước biển và bụi trong gió.

Hiệu quả loại bỏ PM2.5 theo thời gian

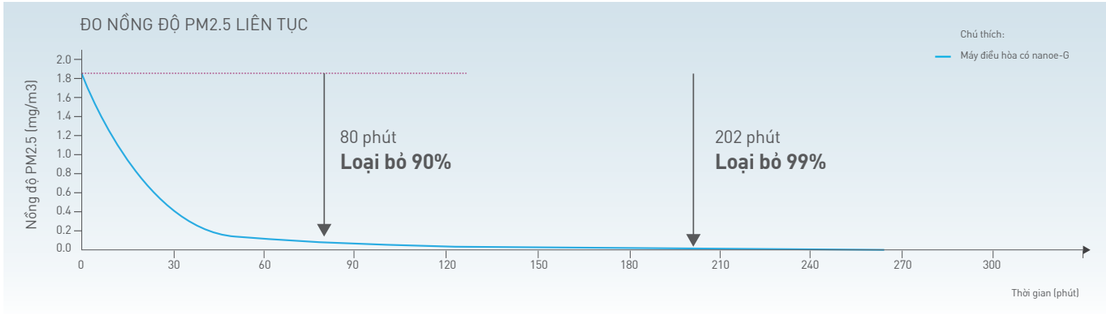

[Thử nghiệm]

**: Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

	Đối tượng thử nghiệm	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Các hạt trong không khí	**Khói thuốc lá (như PM2.5)**	Loại bỏ 99% [so với nồng độ ban đầu]	23m³	202 phút	FCG Research Institute, Inc.	25034

Loại	INVERTER SANG TRỌNG	AERO INVERTER CAO CẤP	INVERTER CAO CẤP	INVERTER TIÊU CHUẨN với kết nối Wi-Fi	INVERTER TIÊU CHUẨN với nanoe™ X	TIÊU CHUẨN	HAI CHIỀU INVERTER CAO CẤP	HAI CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN
	TREO TƯỜNG							
Dòng	CS-VU9UKH-8 CS-VU12UKH-8 CS-VU18UKH-8	CS-XU9XKH-8 CS-XU12XKH-8 CS-XU18XKH-8 CS-XU24XKH-8	CS-U9XKH-8 CS-U12XKH-8 CS-U18XKH-8 CS-U24XKH-8	CS-WPU9XKH-8 CS-WPU12XKH-8 CS-WPU18XKH-8 CS-WPU24XKH-8	CS-XPU9XKH-8 CS-XPU12XKH-8 CS-XPU18XKH-8 CS-XPU18XKH-8B CS-XPU24XKH-8	CS-N9WKH-8 CS-N12WKH-8 CS-N18XKH-8 CS-N24XKH-8	CS-XZ9XKH-8 CS-XZ12XKH-8 CS-XZ18XKH-8 CS-XZ24XKH-8	CS-YZ9WKH-8 CS-YZ12WKH-8 CS-YZ18XKH-8
DUY TRÌ SỰ THOẢI MÁI								
Làm lạnh tản nhiệt	●							
iAUTO-X	●	●	●				●	
CHẾ ĐỘ NGỦ	●	●	●	●	●	●	●	●
Điều khiển Inverter	●	●	●	●	●		●	●
Chế độ Powerful				●	●	●		●
Cảm biến độ ẩm		●	●				●	
Chế độ ECO tích hợp A.I.		●	●	●	●		●	●
Chế độ siêu êm	●	●	●	●	●	●	●	●
Chế độ khử ẩm nhẹ	●	●	●	●	●	●	●	●
Tùy chỉnh hướng gió	●	●	●	● (WPU24)	● (XPU18-8B/24)	● (N18/24)	●	● (YZ18)
Điều chỉnh hướng gió (Lên/xuống)				● (WPU9/12/18)	● (XPU9/12/18)	● (N9/12)		● (YZ9/12)
Điều chỉnh hướng gió ngang				● (WPU9/12/18)	● (XPU9/12/18)	● (N9/12)		● (YZ9/12)
Tự động đảo chiều (cho dòng hai chiều)							●	●
Điều khiển khởi động ngay lập tức							●	●
LỌC SẠCH KHÔNG KHÍ								
nanoe™ X	●	●	●		●		●	
nanoe-G	●	●	●	●	●	●	●	●
Cảm biến bụi	●							
Lớp phủ chống bụi	●							
Chức năng khử mùi	●	●	●	●	●	●	●	●
Nắp dàn lạnh có thể tháo rời, vệ sinh		●	●	●	●	●	●	●
MANG LẠI SỰ THUẬN TIỆN								
Bộ hẹn giờ kép BẬT/TẮT 24 giờ	●	●	●	●	●		●	●
Bộ hẹn giờ cài đặt thời gian thực BẬT/TẮT 24 giờ						●		
Điều khiển không dây LCD	●	●	●	●	●	●	●	●
Điều khiển mạng LAN kết nối Internet	● (Tùy chọn)	● (Tích hợp)	● (Tùy chọn)	● (Tích hợp)	● (Tùy chọn)		● (Tích hợp)	● (Tùy chọn)
Điều khiển có dây	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)		● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)
TIN CẬY								
Tự khởi động ngẫu nhiên (32 mẫu khởi động)	●	●	●	●	●	●	●	●
Dàn tản nhiệt xanh	●	●	●	●	●	●	●	●
Chiều dài đường ống ga (tối đa)	20m (VU9/12) 30m (VU18)	20m (XU9/12) 30m(XU18/24)	20m (U9/12) 30m (U18/24)	20m (WPU9/12) 30m (WPU18/24)	20m (XPU9/12) 30m (XPU18/18-8B/24)	20m (N9/12) 30m (N18/24)	20m (XZ9/12) 30m (XZ18/24)	15m (YZ9/12) 30m (YZ18)
Cửa bảo trì nằm phía trên máy	●	●	●	●	●	●	●	●
Tự chẩn đoán lỗi	●	●	●	●	●		●	●

DUY TRÌ SỰ THOẢI MÁI

LÀM LẠNH TẢN NHIỆT
Làm mát trần và tường trước, mang lại sự thoải mái khi làm lạnh đồng đều mà không thổi luồng gió trực tiếp vào người.

iAUTO-X
Khả năng làm mát cực nhanh, và tận hưởng cảm giác thoải mái liên tục với chế độ Làm lạnh để chịu giúp lan tỏa đều khí mát. Kích hoạt lại chế độ làm lạnh nhanh bằng cách nhấn nút iAUTO-X lần thứ hai.

CHẾ ĐỘ NGỦ
Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt máy và kiểm soát nhiệt độ giúp mang lại giấc ngủ ngon hơn.

ĐIỀU KHIỂN INVERTER
Thay đổi tốc độ quay của máy nén giúp tiết kiệm điện năng.

CHẾ ĐỘ POWERFUL
Nhấn chế độ POWERFUL để làm mát căn phòng của bạn nhanh hơn khi khởi động để mang lại sự thoải mái nhanh chóng với công suất tối đa và luồng gió mạnh.

iAUTO
Tự động chuyển đổi tốc độ quạt để làm lạnh nhanh hơn chỉ với một lần nhấn nút.

CẢM BIẾN ĐỘ ẨM
Kiểm soát độ ẩm tương đối dưới 60% để có giấc ngủ lý tưởng..

CHẾ ĐỘ ECO TÍCH HỢP A.I.
Tự động điều chỉnh mức ECO tối ưu dựa trên điều kiện tải nhiệt và công suất làm lạnh của máy điều hòa.

CHẾ ĐỘ SIÊU ÊM
Tận hưởng cảm giác thoải mái khi chạy điều hòa ban đêm để có một giấc ngủ thư giãn.

CHẾ ĐỘ KHỬ ẨM NHẸ
Khởi động chế độ làm mát để khử ẩm, sau đó tiếp tục thổi gió ở tần số thấp để giữ phòng khô thoáng mà không làm thay đổi nhiệt độ quá nhiều.

TÙY CHỈNH HƯỚNG GIÓ
Sử dụng điều khiển từ xa để điều khiển luồng gió theo phương dọc và ngang theo ý muốn để đạt được sự thoải mái tối đa.

ĐIỀU KHIỂN LUỒNG GIÓ (LÊN VÀ XUỐNG)
Có thể điều khiển các luồng gió dọc bằng điều khiển từ xa, ngay cả từ khoảng cách xa.

ĐIỀU CHỈNH HƯỚNG GIÓ NGANG THỦ CÔNG
Các luồng gió ngang có thể được điều chỉnh bằng tay.

TỰ ĐỘNG ĐẢO CHIỀU (CHO DÒNG HAI CHIỀU)
Ở Chế độ Auto, thiết bị sẽ chọn cần sưởi ấm hoặc làm mát.

KHỞI ĐỘNG NGAY TỨC THÌ
Khi bắt đầu chu kỳ sưởi ấm và sau chu kỳ khử băng, quạt dàn lạnh sẽ khởi động khi bộ trao đổi nhiệt dàn lạnh ấm lên.

LỌC SẠCH KHÔNG KHÍ

nanoe™ X
nanoe™ X khử mùi và vô hiệu hóa sự phát triển của vi khuẩn và vi rút, cho không gian sống trong lành và sạch sẽ hơn.

nanoe-G
nanoe-G hoạt động hiệu quả trong việc loại bỏ các hạt bụi nhỏ như PM2.5.

CẢM BIẾN BỤI
Theo dõi lượng bụi bẩn trong không khí và kích hoạt nanoe-G khi lượng bụi cao.

NẮP DÀN LẠNH CÓ THỂ THÁO RỜI, VỆ SINH
Lớp phủ chống bụi ngăn bụi tích tụ trên quạt luồng ngang bằng cách giữ quạt sạch sẽ.

LỚP PHỦ CHỐNG BỤI
Giúp bạn dễ dàng tiếp cận bộ lọc cũng như vệ sinh thiết bị.

CHỨC NĂNG KHỬ MÙI
Chức năng này loại bỏ mùi khó chịu khi máy vừa khởi động nhờ cơ chế ngưng hoạt động cánh quạt trong tích tắc, trong khi mùi khó chịu bên trong máy điều hòa bị loại bỏ.

Thiết bị phải ở chế độ làm mát hoặc khử ẩm và tốc độ quạt ở chế độ tự động

MANG LẠI SỰ THUẬN TIỆN

HẸN GIỜ KÉP BẬT/TẮT 24 GIỜ VÀ THIẾT LẬP THỜI GIAN THỰC
Tính năng này cho phép bạn đặt trước 2 bộ hẹn giờ hoạt động bật/tắt khác nhau (giờ và phút) trong khung thời gian 24 giờ.

HẸN GIỜ BẬT/TẮT 24 GIỜ VÀ THIẾT LẬP THỜI GIAN THỰC
Thiết lập thời gian chính xác (giờ và phút) của điều hòa, từ đó thiết bị sẽ hoạt động theo các giờ định sẵn mỗi ngày cho đến khi hệ thống được thiết lập lại.

ĐIỀU KHIỂN KHÔNG DÂY MÀN HÌNH LCD
Dễ dàng điều khiển thiết bị từ mọi nơi trong phòng.

ĐIỀU KHIỂN MẠNG LAN KẾT NỐI INTERNET
Điều khiển máy điều hòa từ xa bằng cách biến thiết bị di động của bạn thành một bộ điều khiển từ xa bằng kết nối internet.

ĐIỀU KHIỂN CÓ DÂY
Điều khiển thiết bị từ vị trí cố định nơi lắp đặt điều khiển có dây.

TIN CẬY

TỰ KHỞI ĐỘNG LẠI NGẪU NHIÊN
Khi nhiều thiết bị được kết nối và xảy ra mất điện, các thiết bị sẽ bật vào thời điểm khác nhau để không làm tăng đột ngột lượng điện cung cấp.

DÀN TẢN NHIỆT XANH
Bảo vệ thêm khỏi các yếu tố có hại với cụm giàn ống bền hơn.

ĐƯỜNG ỐNG DÀI
Đường ống dài mang lại các tùy chọn lắp đặt linh hoạt hơn.

CỬA BẢO TRÌ MỞ PHÍA TRÊN
Dễ dàng tiếp cận để bảo trì.

CHỨC NĂNG TỰ CHẨN ĐOÁN LỖI
Nếu xảy ra sự cố, thiết bị sẽ chẩn đoán sự cố và cung cấp mã lỗi dạng chữ và số tương ứng. Điều này cho phép sửa chữa nhanh hơn.

Các dòng sản phẩm

Mã lực (HP)	1.0HP	1.5HP	2.0HP	2.5HP	
Công suất (Btu/h)	9,000	12,000	18,000	24,000	Tính năng
TREO TƯỜNG **INVERTER SANG TRỌNG** Trang 34-35	CS-VU9UKH-8 (CU-VU9UKH-8)	CS-VU12UKH-8 (CU-VU12UKH-8)	CS-VU18UKH-8 (CU-VU18UKH-8)		nanoeX nanoe X Generator Mark 1; nanoe-G; SKYWING; Auto-X INTELLIGENT. DYNAMIC. COOL.; INVERTER; XTRA QUIET 18dB (CS-VU9UKH-8)
TREO TƯỜNG **AERO INVERTER CAO CẤP** Trang 36-37	CS-XU9XKH-8 (CU-XU9XKH-8)	CS-XU12XKH-8 (CU-XU12XKH-8)	CS-XU18XKH-8 (CU-XU18XKH-8)	CS-XU24XKH-8 (CU-XU24XKH-8)	nanoeX nanoe X Generator Mark 2; nanoe-G; TÍCH HỢP; NEW AEROWINGS; Auto-X INTELLIGENT. DYNAMIC. COOL.; HUMIDITY SENSOR; INVERTER; ECO+A.I.
TREO TƯỜNG **INVERTER CAO CẤP** Trang 38-39	CS-U9XKH-8 (CU-U9XKH-8)	CS-U12XKH-8 (CU-U12XKH-8)	CS-U18XKH-8 (CU-U18XKH-8)	CS-U24XKH-8 (CU-U24XKH-8)	nanoeX nanoe X Generator Mark 2; nanoe-G; NEW AEROWINGS; Auto-X INTELLIGENT. DYNAMIC. COOL.; HUMIDITY SENSOR; INVERTER; ECO+A.I.
TREO TƯỜNG **INVERTER TIÊU CHUẨN với kết nối Wi-Fi** Trang 40-41	CS-WPU9XKH-8 (CU-WPU9XKH-8)	CS-WPU12XKH-8 (CU-WPU12XKH-8)	CS-WPU18XKH-8 (CU-WPU18XKH-8)	CS-WPU24XKH-8 (CU-WPU24XKH-8)	nanoe-G; TÍCH HỢP; BIG FLAP (CS-WPU9/12/18XKH-8); AEROWINGS (CS-WPU24XKH-8); POWERFUL; INVERTER; ECO+A.I.
TREO TƯỜNG **INVERTER TIÊU CHUẨN với nanoe™ X** Trang 42-43	CS-XPU9XKH-8 (CU-XPU9XKH-8)	CS-XPU12XKH-8 (CU-XPU12XKH-8)	CS-XPU18XKH-8 (CU-XPU18XKH-8) CS-XPU18XKH-8B (CU-XPU18XKH-8B)	CS-XPU24XKH-8 (CU-XPU24XKH-8)	nanoeX nanoe X Generator Mark 1; nanoe-G; BIG FLAP (CS-XPU9/12/18XKH-8); AEROWINGS (CS-XPU18XKH-8B, CS-XPU24XKH-8); POWERFUL; INVERTER; ECO+A.I.
TREO TƯỜNG **TIÊU CHUẨN** Trang 44-45	CS-N9WKH-8 (CU-N9WKH-8)	CS-N12WKH-8 (CU-N12WKH-8)	CS-N18XKH-8 (CU-N18XKH-8)	CS-N24XKH-8 (CU-N24XKH-8)	nanoe-G; BIG FLAP (CS-N9/12WKH-8); AEROWINGS (CS-N18/24XKH-8); POWERFUL
TREO TƯỜNG **HAI CHIỀU INVERTER CAO CẤP** Trang 46-47	CS-XZ9XKH-8 (CU-XZ9XKH-8)	CS-XZ12XKH-8 (CU-XZ12XKH-8)	CS-XZ18XKH-8 (CU-XZ18XKH-8)	CS-XZ24XKH-8 (CU-XZ24XKH-8)	nanoeX nanoe X Generator Mark 2; nanoe-G; TÍCH HỢP; NEW AEROWINGS; Auto-X INTELLIGENT. DYNAMIC. COOL.; HUMIDITY SENSOR; INVERTER; ECO+A.I.
TREO TƯỜNG **HAI CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN** Trang 48-49	CS-YZ9WKH-8 (CU-YZ9WKH-8)	CS-YZ12WKH-8 (CU-YZ12WKH-8)	CS-YZ18XKH-8 (CU-YZ18XKH-8)		nanoe-G; BIG FLAP (CS-YZ9/12WKH-8); AEROWINGS (CS-YZ18XKH-8); POWERFUL; INVERTER; ECO+A.I.

( ): Dàn nóng Các dòng một chiều Các dòng hai chiều